

Hồi ký Nhớ Ông Thầy

Viết gì cũng không trúng, là trúng

Nói gì cũng không trúng, là trúng

Nghĩ gì cũng không trúng, là trúng

Như Huyền Thiên Sư

LỜI ĐẦU SÁCH

BÁT NHÃ KINH là hệ giáo lý viên mãn hoàn toàn. Bắt đầu học tu đạo Phật là ngày bắt đầu thiết kế nền móng Bát nhã. Trên nền móng cơ sở Bát nhã, người ta xây dựng... tô đắp công trình... cho đến tột đỉnh cao, mà không còn chỗ, không có cách nào xây cất cao hơn nữa được. Đó là quả VÔ THƯỢNG CHÁNH GIÁC BỒ ĐỀ PHẬT.

BÁT NHÃ là nền giáo lý sản sanh chư Phật. Bởi vì có Tuệ, mới có GIẢI THOÁT TRI KIẾN và GIẢI THOÁT.

BÁT NHÃ ĐƯỜNG là một vị trí rộng lớn, thông thoáng nhất của một Tự viện xưa nay, nhằm để giáo dục cho Tăng chúng hậu côn học tập bồi dưỡng TUỆ GIÁC!

Thiên Thai Trí Giả Đại sư, một nhà Phật học cự phách của thế kỷ thứ 6, thời nhà Tùy, Trung Quốc. Đại sư là người có uy tín lớn, có kiến thức lớn... ông đã để lại một dấu ấn lớn cho Phật giáo Trung Hoa đương thời. Căn cứ trên cơ sở nhận thức, phán xét qua lộ trình hóa đạo truyền bá chánh pháp của Phật, ông đã đúc kết rằng:

... “NHỊ THẬP NHỊ NIÊN BÁT NHÃ ĐÀM...”

Có được sự nhận định, xác lập giá trị của kinh điển và vai trò hành động của đức Phật như thế, Trí Giả Đại sư quả là một Cao tăng “danh bất hư truyền” thực nghĩa. Bởi vì, dù “lão luyện” A Hàm, “tinh thông” Phương Đẳng, “quán triệt”

Pháp Hoa, “học kỹ” Niết Bàn, Hoa Nghiêm đi nữa... mà chưa có Tuệ, hoặc không có Tuệ, thì đường lối tu hành ấy hành giả hãy tự xét lại...?! Hay nói một cách khẳng định: Trên đường học đạo, hành đạo, mà không phát sanh trí tuệ thì không tìm đâu cho có quả vị Vô Thượng Bồ Đề.

Chân lý là vậy, nhưng dù là rừng Chiên Đàn, rừng Trầm Hương cũng không sao tránh khỏi cây tạp lộn lạo. Phật giáo Trung Quốc xưa kia, cũng như Phật giáo Việt Nam đương đại, những bậc Cao tăng như Trí Giả Đại sư thời nào cũng có, thì những thành phần ngụy Sa môn, “những con sâu làm rầu nồi canh”, cũng luôn có dù ở thời đại nào. Vì sự nghiệp, vì công danh phú quý mà thành phần ngụy Sa môn họ đầu tư toàn bộ chất xám vào những âm mưu vô cùng thâm độc, quỷ quyệt và cực kỳ tinh vi... Họ không sử dụng văn tự, mà âm thầm truyền đạt những hiểu biết phản nghịch với nguồn Bát Nhã Ba La Mật: Rằng những người đệ tử Phật mà thọ trì đọc tụng hay hâm mộ tu tập giáo lý Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa thì gia đình xào xáo, đất đai căn cỗi, cỏ cây hoa trái điêu tàn, công việc làm ăn sa sút... nếu là Phật tử tại gia; Còn đối với thành phần xuất gia thì chùa chiền không thể phát đạt được, môn đồ bá tánh xa lánh... chư Thiên... hộ pháp... quỷ thần... không hoan hỷ ủng hộ và cúng dường! Ác tâm nham hiểm ấy, thủ đoạn tinh vi ấy nhằm hù dọa để bưng bít, để giấu nhem... nguồn giáo lý Bát Nhã Ba La Mật. Họ không muốn cho ai biết được nguồn giáo lý thậm thâm vi

diệu, vô tiền khoáng hậu của đấng VÔ THƯỢNG Y VƯƠNG trong đạo Phật chúng ta.

Tập HỒI KÝ NHỚ ÔN THẦY, từ lúc manh nha trong ý thức cho tới khi ghi ra thành văn tự, tôi tự nhủ lòng là mình viết cho mình, chỉ cho mình thôi! Tôi chưa có ý viết cho ai, mời ai hay tặng ai hết!... Nhưng ở thời đại văn minh khoa học, trong một đất nước độc lập tự do, với một sức sống đang lên của dân tộc, thì một quyển sách nhỏ được viết ra hay ngàn ngàn quyển sách được in ra cũng chẳng có gì khó khăn cho lắm! Chính vì vậy mà quyển sách nhỏ này có thể đến tay Phật tử gần xa... để trong những lúc rảnh rỗi đọc vui, đọc để giải khuây! Và nếu không có “bực bội”, hãy biến nó thành một đối tượng “tư duy”, một nhận thức qua “thiền định”, thì nó có thể đem lại cho người đọc một ít chất liệu dinh dưỡng, một hương vị thậm thâm trong nguồn giáo lý Bát Nhã Ba La Mật của đạo Phật! ...

Liễu Liễu Đường.

Ngày 22/12/2013 (20 – 11 Quý Tỵ)

PHẦN I:

NHỚ ÔN THẦY

NHỚ ÔN THẦY

(Xem đây như bài thu hoạch trên quá trình tu học của
đời con, kính dâng lên Thế Tôn)

Thầy tôi, mà cũng có thể là Thầy của chúng ta, của
những ai chịu học Phật, tu hành theo đạo Phật, bằng lòng
nhận mình là đệ tử Phật.

Đức Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Thầy của chúng
ta là một con người thật, thật như chúng ta đang là một con
người ở trên mặt đất “năm châu”. Thế nên, đạo Phật phải là
đạo NHƯ THẬT:

* NGƯỜI THẬT.

* VIỆC THẬT.

* NÓI THẬT.

* LÀM THẬT

* THẤY BIẾT THẬT.

* Và đem lại kết quả GIẢI THOÁT, GIẢI THOÁT
TRI KIẾN thật cho con người.

NGŨ UẨN nói hẹp, THẤT ĐẠI nói rộng chỉ là một “Sắc thủ thú”, một hợp thể tạm bợ mong manh. Vậy mà, hợp thể “Sắc thủ thú” lại là “chủ thể nhận thức” vũ trụ. Nguồn gốc sanh ra mọi thống khổ hay an lạc khởi từ cặp phạm trù “chủ thể” và “đối tượng” ấy!

Do thiếu khả năng sử dụng trí tuệ, chủ thể nhận thức nhận thức sai lầm về đối tượng làm phát sanh bốn tướng: NGÃ, NHÂN, CHÚNG SANH và THỌ GIẢ.

Đạo Phật là BỒ ĐỀ ĐẠO. Phật là VÔ THƯỢNG BỒ ĐỀ GIẢ. Giáo lý then chốt của BỒ ĐỀ ĐẠO là BÁT NHÃ BA LA MẬT, Bát Nhã Ba La Mật sản sanh ra chư Phật. Một đời “thuyết pháp” giáo đạo, đức Phật ân cần dạy dỗ nhắc nhở cho đệ tử phải hết sức “lắng nghe” và tu học kỹ về giáo lý BÁT NHÃ BA LA MẬT. Giáo lý Bát Nhã Ba La Mật là giáo lý then chốt trọng tâm của đạo Phật, mà đức Phật nhắc nhở ân cần cho đệ tử suốt một đời hóa đạo của mình.

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật! Nam Mô Từ Phụ Như Lai Vô Thượng Sĩ Điều Ngự Trượng Phu Thế Tôn! Con đã hiểu rồi! Thầy đã dạy cho hai sư huynh Tu Bồ Đề, Xá Lợi Phất của con về PHI BẤT VÔ trong Bát Nhã Kim Cang và Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh cận kề vô cùng! Cũng có nghĩa là Thầy truyền lệnh và răn dạy con, sau này dù cách xa Thầy nhưng phải theo giáo lý đó mà học, mà tu.

Thưa Thầy! Con đã học và con đã thuộc kỹ suốt mấy mươi năm trong cuộc đời Khất sĩ của con. Con dụng ý biến

ba chữ “Phi, Bất, Vô” thành thức ăn của đời con. Và con đã uống những thức ăn và ăn những thức uống ấy như người trị bệnh ăn gạo lứt muối mè theo phương pháp Oshawa vậy. Người trị bệnh ăn gạo lứt muối mè theo phương pháp Oshawa có đem lại kết quả, con cũng đã từng ăn gạo lứt muối mè và cũng đã đem lại kết quả. Cho tới ngày nay, tuổi đời con đã tám mươi bảy, con ăn những thực phẩm diệu dược vô giá qua nguồn giáo lý PHI BẤT VÔ mà Thầy truyền đạt cho. Đến nay công hiệu của những diệu dược vô thượng ấy phát huy công dụng toàn diện. Những tháng ngày ở giai đoạn sắp cuối đời con, thứ vi trùng độc hại nhất đối với nhân loại nói chung và tự thân con nói riêng, đó là: Vi trùng SẮC THỦ THỦ trong cơ thể con, coi như hoàn toàn bị tiêu diệt.

Con ghi thành văn tự những lời cặn cọt bé bỏng của con để báo cáo lên Thầy “chứng giám” cho con, để nói lên lời trân trọng nhất của lòng con rằng: CON NHỚ ÔN THẦY.

Thầy ơi! Con đã được, con đã hoàn thành tâm nguyện, con đã thu thập và con đã thể hiện thành công bằng sự đấu tranh và chiến thắng CHỦ NGHĨA BẢO THỦ của bọn trùm chúa tể hắc ám vô minh “Sắc thủ thú”, đã cầm quyền lãnh đạo loài người từ muôn thuở.

Con là học trò của Thầy, là đệ tử của Phật, cho nên con có quyền TỰ GIÁC, TỰ NGỘ, TỰ THÂN CHÚNG và TỰ QUYẾT ĐOÁN đời con. Là đệ tử của Thầy, là con của Phật, là học trò của bậc Y VƯƠNG VÔ THƯỢNG, của bậc

ĐIỀU NGỰ TRƯỞNG PHU thì không nên để cho mình sa rớt, lẫn lộn với tập quán, đạo đức, nghi lễ dung thường. Là đệ tử của Thầy, con quyết nhớ ghi và thực hiện những điều mà Thầy đã dinh ninh dạy bảo, Thầy đã đặt niềm tin cho người đệ tử như con.

Kính bạch Thầy! Khi con phát chí xuất gia vào chùa tầm sư học đạo, học Tam tạng giáo lý của Thầy, mà người đạo Phật xuất gia và tại gia lưu trữ tôn thờ trong mấy ngàn năm qua. Thừa Thầy! Tam tạng giáo điển của Thầy, qua thời gian năm tháng bị pha trộn lẫn lộn quá nhiều bởi ý thức hệ, bởi đặc quyền đặc lợi của TÔN và PHÁI. Vì vậy hàng hậu học chúng con đã bị “kinh điển tầm phào” chiếm hết tám phần mười thời gian tu học, mà không biết đích đến, chẳng có mục tiêu và cũng không tìm hiểu ra được ý của Thầy muốn dạy cho Khất sĩ hậu học chúng con phải tu sao, phải học gì cho đúng!

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật! Thầy ơi! “Người ta” nói con là một đệ tử ngu nhất của Thầy ở thế kỷ 21 ngày nay! Vì sư huynh, sư đệ pháp lữ con, ai cũng sự nghiệp, danh vị, chùa to, tháp cao, Phật, tượng vĩ đại... nhiều và nhiều lắm! Tượng cốt thần thánh trời Phật tuy nhiều, nhưng chẳng có mấy người biết được tôn danh và xứ sở quê hương của những “đức”, những “đấng” ấy!

Theo dấu chân Thầy hơn 60 năm, con vừa học vừa tu vừa bắt chước theo lời dạy của Thầy... Con cũng làm cái

việc “Tục diệm truyền đăng”, “Xiển dương chánh pháp” bằng cách chạy đầu này giảng... đi đến xứ nọ dạy... tung hoành chẳng khác các huynh đệ thiện hữu pháp lữ của con. Nhưng, Thầy ơi! Thời gian dài ấy con đã sử dụng quá nhiều tên, mà bản thì chỉ quanh quanh cái đích, như người bệnh cầu thuốc mà chỉ cho người ta uống toàn là những thứ lá thảo mộc hoang vu, thậm chí có khi còn lẫn lộn những khoáng được chất cực kỳ độc hại nữa.

Mãi cho đến ngày nhân duyên hội ngộ dẫm bước chân Phật, con có cơ hội được nương thân nơi mé suối chân đời, mây ngàn sương phủ, cảnh tịch tâm không. Môi trường ấy, hoàn cảnh ấy, cộng với thời điểm thọ mạng từng sát na đã rệu rã trong con, con cực lực sưu tầm, tích lũy, chọn lựa, so sánh những dược liệu thần kỳ vô thượng của Thầy, bậc “Y Vương Vô Thượng” để lại.

Thưa Thầy! Con đã thành công như nguyện. Con đã mở được khóa kho tàng bí mật của Thầy, con đã “trúng tử”! Đó là cái kho tàng Bát Nhã Ba La Mật Kim Cang và cái tử Bát Nhã Tâm Kinh vẫn còn thơm phức mùi Y vương của Thầy, của đấng Y Vương Vô Thượng! Và đây là đơn thuốc đặc trị, diệt tận gốc toàn bộ KHỔ ĐỂ của chúng sanh, hễ ai thọ dụng được và uống chịu thuốc thì người đó hoát nhiên tự có bốn đức:

1. Tự giác.
2. Tự ngộ.

3. Tự thân chứng.

4. Tự quyết đoán.

Bốn đức ấy tiêu diệt chủ nghĩa Bảo Thủ của tên chúa ngục vô minh và triệt hạ tận căn nguyên bè lũ bọn Sác thủ thú.

Bạch Thầy! Con xin trình lên Phật đơn thuốc “Y Vương Vô Thượng” mà con đã sưu tầm và đúc kết hơn sáu mươi năm qua. Đó là: Tam thập lục PHI, Lục BẤT và Ngũ thập bát VÔ.

Trình tự ba mươi sáu chữ PHI mà Thầy đã dạy cho Sư huynh Tu Bồ Đề trong giáo lý Bát Nhã Kim Cang, gồm:

1. Phật cáo Tu Bồ Đề: Nhược Bồ tát hữu ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, tức PHI BỒ TÁT.

2. Tu Bồ Đề! Sở ngôn vô dư Niết bàn, tức PHI NIẾT BÀN, Như Lai thuyết danh Niết bàn.

3. Như Lai sở thuyết: Thân tướng tức PHI THÂN TƯỚNG, thị danh thân tướng.

4. Phật cáo: Phạm sở hữu tướng giai thị hư vọng. Nhược kiến chư tướng, PHI TƯỚNG, tức kiến Như Lai.

5. Phật thuyết: Phước đức tức PHI PHƯỚC ĐỨC TÁNH, thị cố Như Lai thuyết phước đức... đa.

6. Phật thuyết: Sở vị Phật pháp giả, tức PHI PHẬT PHÁP.

7. Như Lai thuyết: Trang nghiêm Phật độ giả, tức PHI TRANG NGHIÊM, thị danh trang nghiêm.

8. Phật thuyết PHI THÂN, thị danh đại thân.

9. Phật thuyết Bát Nhã Ba La Mật, tức PHI BÁT NHÃ BA LA MẬT, thị danh Bát Nhã Ba La Mật.

10. Phật ngôn: Chư vi trần, Như Lai thuyết PHI VI TRẦN, thị danh vi trần.

11. Như Lai thuyết thế giới, PHI THẾ GIỚI, thị danh thế giới.

12. Như Lai thuyết Tam thập nhị tướng, tức thị PHI TƯỚNG, thị danh Tam thập nhị tướng.

13. Thật tướng giả, tức thị PHI TƯỚNG, thị cố Như Lai thuyết danh thật tướng.

14. Như Lai thuyết ngã tướng tức thị PHI TƯỚNG.

15. Như Lai thuyết nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, tức thị PHI TƯỚNG.

16. Như Lai thuyết đệ nhất Ba La Mật, tức PHI ĐỆ NHẤT BA LA MẬT, thị danh đệ nhất Ba La Mật.

17. Nhẫn nhục Ba La Mật, Như Lai thuyết PHI NHẪN NHỤC BA LA MẬT, thị danh nhẫn nhục Ba La Mật.

18. Phật thuyết: Nhược tâm hữu trụ, tức vi PHI TRỤ.

19. Như Lai thuyết nhất thiết chư tướng, tức thị PHI TƯỚNG.

20. Như Lai thuyết nhất thiết chúng sanh, tức PHI CHÚNG SANH.

21. Nhược Bồ tát hữu ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, tức PHI BỒ TÁT.

22. Sở ngôn nhất thiết pháp giả, Như Lai thuyết tức PHI NHẤT THIẾT PHÁP, thị cố danh nhất thiết pháp.

23. Như Lai thuyết: Nhân thân trường đại, tức vi PHI ĐẠI THÂN, thị danh đại thân.

24. Như Lai thuyết trang nghiêm Phật độ giả, tức PHI TRANG NGHIÊM, thị danh trang nghiêm.

25. Như Lai thuyết chư tâm, giai vi PHI TÂM, thị danh vi tâm.

26. Như Lai thuyết cụ túc sắc thân, tức PHI CỤ TÚC SẮC THÂN, thị danh cụ túc sắc thân.

27. Như Lai thuyết chư tướng cụ túc, tức PHI CỤ TÚC, thị danh chư tướng cụ túc.

28. Chúng sanh, chúng sanh giả, Như Lai thuyết tức PHI CHÚNG SANH, thị danh chúng sanh.

29. Sở ngôn thiện pháp giả, Như Lai thuyết tức PHI THIỆN PHÁP, thị danh thiện pháp.

30. Như Lai thuyết hữu ngã giả, tức PHI HỮU NGÃ.

31. Phàm phu giả, Như Lai thuyết tức PHI PHÀM PHU, thị danh phàm phu.

32. Phật thuyết vi trần chúng, tức PHI VI TRẦN CHÚNG, thị danh vi trần chúng.

33. Như Lai sở thuyết tam thiên đại thiên thế giới, tức PHI THẾ GIỚI, thị danh thế giới.

34. Như Lai thuyết nhất hiệp tướng, tức PHI NHẤT HIỆP TƯỚNG, thị danh nhất hiệp tướng.

35. Thế Tôn thuyết ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, tức PHI NGÃ KIẾN, NHÂN KIẾN, CHÚNG SANH KIẾN, THỌ GIẢ KIẾN, thị danh ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến.

36. Sở ngôn pháp tướng giả, Như Lai thuyết tức PHI PHÁP TƯỚNG, thị danh pháp tướng.

Và trong hệ giáo lý tinh yếu cốt lõi Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh mà Phật dạy cho Đại sư huynh Xá Lợi Phất, thu trọn sáu chữ BẮT, cộng với năm mươi tám chữ VÔ.

... “Xá Lợi Tử! Thị chư pháp không tướng, BẮT SANH, BẮT DIỆT, BẮT CẤU, BẮT TỊNH, BẮT TĂNG, BẮT GIẢM. Thị cố không trung VÔ SẮC, VÔ THỌ, TƯỚNG, HÀNH, THỨC... VÔ NHÃN, NHĨ, TỶ, THIỆT, THÂN, Ý... VÔ SẮC, THANH, HƯƠNG, VỊ, XÚC, PHÁP... VÔ NHÃN GIỚI nãi chí VÔ Ý THỨC GIỚI... VÔ VÔ MINH, diệt VÔ VÔ MINH TẬN, nãi chí VÔ LÃO TỬ,

diệc VÔ LÃO TỬ TÂN... VÔ KHỔ, TẬP, DIỆT, ĐẠO, VÔ TRÍ diệc VÔ ĐẮC.

Dĩ VÔ SỞ ĐẮC cố, Bồ Đề tát đỏa y Bát Nhã Ba La Mật đa cố, TÂM VÔ QUÁI NGẠI, vô quái ngại cố, VÔ HỮU KHỦNG BỐ, viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết Bàn”...

Từ nguyên văn Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh, giải rõ ra 58 chữ VÔ như sau:

1. Vô sắc
2. Vô thọ
3. Vô tưởng
4. Vô hành
5. Vô thức.
6. Vô nhãn
7. Vô nhĩ
8. Vô tỷ
9. Vô thiệt
10. Vô thân
11. Vô ý.
12. Vô sắc
13. Vô thanh
14. Vô hương
15. Vô vị

16. Vô xúc
17. Vô pháp.
18. Vô nhãn căn giới
19. Vô nhĩ căn giới
20. Vô tỷ căn giới
21. Vô thiệt căn giới
22. Vô thân căn giới
23. Vô ý căn giới.
24. Vô sắc cảnh giới
25. Vô thanh cảnh giới
26. Vô hương cảnh giới
27. Vô vị cảnh giới
28. Vô xúc cảnh giới
29. Vô pháp cảnh giới.
30. Vô nhãn thức giới
31. Vô nhĩ thức giới
32. Vô tỷ thức giới
33. Vô thiệt thức giới
34. Vô thân thức giới
35. Vô ý thức giới.
36. Vô vô minh
37. Vô hành
38. Vô thức

- 39. Vô danh sắc
- 40. Vô lục nhập
- 41. Vô xúc
- 42. Vô thọ
- 43. Vô ái
- 44. Vô thủ
- 45. Vô hữu
- 46. Vô sanh
- 47. Vô lão tử
- 48. Vô lão tử tận
- 49. Vô vô minh tận.
- 50. Vô khổ
- 51. Vô tập
- 52. Vô diệt
- 53. Vô đạo.
- 54. Vô trí
- 55. Vô đắc
- 56. Vô sở đắc
- 57. Vô quái ngại
- 58. Vô hữu khủng bố.

Do vậy người ĐẠT ĐẠO, ĐẮC ĐẠO BỒ ĐỀ NIẾT BÀN phải là người BẤT THỦ Ứ TƯỚNG đối với hiện tượng vạn pháp trong vũ trụ... và “Như như bất động”! Bởi

lẽ: “Nhất thiết Hữu vi pháp. Như mộng, huyễn, bào, ảnh.
Như lộ diệc như điện. Ứng tác như thị quán”, mà Như Lai đã
dạy!

Liễu Liễu Đường.

Ngày 18/12/2013 (16/11 Quý Tỵ)

PHẦN II:

THI THƠ TUYỂN

Trích:

- Như Huyền Thiên Sư thi tập
- Ngón tay chỉ trăng (Tập 1 – 10)

Đối tượng tham thiền 1

Câu đối I: LIỄU LIỄU ĐƯỜNG

Phiên âm:

Liễu đạt nhơn không hỷ lạc thế tình thường thọ dụng Liễu
tri vô pháp Nê hoàn đương xứ mặc suy cầu. **Dịch nghĩa:**

Người hành đạo trước tiên rõ biết:

Quán “Nhân không” đích thật tu hành

Ai người hiểu kỹ “Vô nhân”

Là người thọ hưởng an nhiên cõi đời!

Thêm bước nữa quán sâu “Vô pháp”

Nhận rõ rằng vạn hữu là “Vô”

Tâm không cảnh lặng như tờ

Niết Bàn là đó, khỏi chờ không mong.

Đối tượng tham thiền 2

Câu đối II: LIỄU LIỄU ĐƯỜNG

Phiên âm:

Liễu triệt Tam vô hốt thính diệu ngữ thiền minh
giai đạo lý
Liễu tri Thất đại trực quan sương đầu điệp lạc
thị Lăng nghiêm

Dịch nghĩa:

*Quán vô tướng, quán không, vô nguyện
Đạt “Tam vô” Phật hiện trần gian
Ve kêu chim hót điệu đàn
Hòa âm thiên nhạc cúng dàng Pháp thân
Rõ Thất đại sắc không, không sắc
Vọng duyên không thực tánh cũng không
Sương rơi lá rụng hoa tàn
Là duyên, đối tượng gọi lòng Thiền na.*

Đối tượng tham thiền 3

HỌC THẤY

(Tập Quán Chiếu)

*Học thấy thân ta **Sắc** cộng **Không**
Sắc không, không sắc hễ tương dung
Duyên sanh Ngũ ấm **không** duyên **sắc**
Hiện tượng phù hư nhất quán thông.*

Đối tượng tham thiền 4

GẶP PHẬT và THẤY CẢNH

Cảnh Phật sao mà rỗng lặng thênh!

Duyên gì Phật ở một mình ênh?

Phật rằng: Vạn pháp đâu từng có!

Phật Phật hăng sa một Phật thân!

Đối tượng tham thiền 5

HỌC ĐẠO

Hướng đến vô vi học đạo chân

Sâu xa tuyệt học dứt lần khôn

Vô minh, Phật tánh không hai một

Ngũ uẩn phù hư tức Pháp thân.

Đối tượng tham thiền 6

DIỆT VỌNG

Vọng chất ra sao đòi diệt vọng?

Vọng không hình mạo có danh ngôn

Tâm ai tỉnh ngộ tìm không có

Vọng đến lòng ai có nào phiền.

Đối tượng tham thiền 7

THIỀN QUÁN 1

*Hiện tượng nghìn xưa tánh tịch nhiên
Không nhân không ngã chẳng ai phiền
Chân như: Vô tác, Không, Vô tướng
Châu biến hàm dung vượt thỉ chung!*

Đối tượng tham thiền 8

THIỀN QUÁN 2

*Đối cảnh vô tâm khỏi luận thiền
Tham thiền năng sở rõ phân minh
Quán Tâm quán Cảnh tùy duyên đến
Tránh tưởng hoang đường nghĩ viển vông.*

Đối tượng tham thiền 9

QUÁN THÂN

Thân này bất tịnh thật hay ngoa?

Tam khổ bao vây mạng sống ta

Bát bất dập vùi thân khẩu ý

Tìm đâu Tịnh Ngã Lạc Thường ra?

Đối tượng tham thiền 10

QUÁN TÂM

Thọ tánh không không nhận những gì?

Tưởng hành trống rỗng, tưởng là chi?

Giác không, không giác đâu là Thức?

Ngũ uẩn phù hư đến chột đi.

Đối tượng tham thiền 11

TÂM

Tâm chẳng tâm gì, phải gọi tâm!

Tâm không hình mạo cứ đâu tầm?

Ba đời không thể tìm tâm được

Phật dạy tu tâm, tâm ở đâu?

Đối tượng tham thiền 12

QUÁN THỨC UẨN

Thức tâm tâm thức chẳng rời nhau

Ý thức thêm vào đủ bộ ba

Dù gọi ba tên Duy thức uẩn

Sở tri, tác, thọ bất tương ly.

Đối tượng tham thiền 13

QUÁN NGÃ

*Tham thiền quán “Ngã” ở khởi đường tu
Quán chiếu “Ngã không” điểm khởi đầu
Lục phủ, Tứ chi chung Ngũ tạng
Hợp thành Năm uẩn chắc bền chi?*

Đối tượng tham thiền 14

QUÁN CẢNH

*Sắc tánh xưa nay vốn tịch nhiên
Thịnh, hương, vị, xúc hốt tương thành
Pháp kiêm Tâm sắc chưa tham nhiễm
Lục cảnh vô tư trước Lục căn.*

Đối tượng tham thiền 15

HỌC VỀ CHỮ PHÁP

Pháp nghĩa là chi bãm các Sư?

Xưa nay “chư Pháp” thật hay hư?

Cớ gì Phật dạy ly duyên cảnh?

“Cảnh” “Pháp” là hai? Một? Thế nào?

Đối tượng tham thiền 16

LẠI HỌC VỀ CHỮ PHÁP

*Pháp pháp xưa nay chẳng pháp gì!
Gọi là “không pháp” cũng buông đi
Như Lai dạy rõ đường “không pháp”
Còn gọi đây...kia...chẳng pháp chi!*

Đối tượng tham thiền 17

HỌC VỀ CHỮ QUÁN

Quán chiếu nên tri quán tướng ly

Tướng tâm tướng cảnh tướng ông gì?

Tướng đi với vọng gây nhân khổ

Giải thoát Bồ đề chẳng tướng chi!

Đối tượng tham thiền 18

NGŨ ẤM VÔ NGÃ

Ngũ ấm phù hư rỗng hợp tan

Sắc là vật chất mớ vi trần

Thọ hành tưởng thức rằng TÂM pháp

Ngũ ấm gồm trong tiếng SẮC TÂM.

Đối tượng tham thiền 19

CÁCH HÀNG PHỤC TÂM CỦA BỒ TÁT

Chúng sanh mười loại có xem không

Năng sở song vong bậc tích tông

Độ tận vô dư không kẻ độ

Niết bàn rằng có lại rằng không

Đối tượng tham thiền 20

Chỗ TRỤ TÂM CỦA BỒ TÁT

Lục cảnh phàm phu: Chỗ trụ tâm

Vì tâm trụ cảnh hóa ra trần

Vận tâm bố thí căn trần ấy

Vô trụ tâm không cảnh tịch nhiên.

Đối tượng tham thiền 21

Ý PHẬT

Phật pháp vì người rõ chẳng ngoa

Nhân sinh an lạc thỏa lòng ta

Trần gian Tịnh độ là tiêu chí

Vô ngã vô nhân... đạo Thích Ca.

Đối tượng tham thiền 22

THÀNH PHẬT

*Phật dạy Văn Thù một chữ tri
Vô minh huyễn mộng để lòng ghi
Huyễn tâm huyễn cảnh buông huyễn trí
Vĩnh đoạn vô minh: Phật vậy thôi!*

Đối tượng tham thiền 23

Làm gì để

THẤY ĐƯỢC NHƯ LAI

Muốn thấy Như Lai biết Pháp thân

Lưu thanh luyện sắc kẻ vô phần

Mê tâm tà đạo duyên (vị) thanh sắc

Chẳng thấy Như Lai, biết Pháp thân!

Đối tượng tham thiền 24

THUYẾT PHÁP ?

*Tay chỉ vàng trắng chẳng chỉ gì!
Trời xanh mây trắng đến rồi đi
Ai người “Bất thủ ư chư tướng”
“Bất động như như” Phật nhãn thừa!*

Đối tượng tham thiền 25

TIẾNG VỌNG LINH SÀNG

*Thưa Thầy! Thầy dạy con rằng:
Chiếc thân Ngũ ấm đừng mong được gì?
Kinh truyền Ngũ ấm Hữu vi
Bọt bèo huyễn mộng còn gì... “Hương linh”...?
Giờ đây con có “vong hồn”!
Hồn vong linh vị đành rành tên con!
Thỉnh con cố thủ linh sàng
Tháng ngày cúng quả đường hoàng ẩm no.
Thưa Thầy con phải nghe ai?
Nghe Thầy? Nghe Phật rẽ hai con đường
Phật rằng: Ngũ uẩn giai không
Hòa tan vũ trụ quyện mình Pháp thân.
Nghe Thầy có chỗ dừng chân
Linh sàng...long vị... loanh quanh Tà đồ
Phân vân con quá mơ hồ
Xin Thầy chỉ rõ đường nào con đi???*

Đối tượng tham thiền 26

SƠN KHÊ NGOẠN CẢNH

Vui thú lâm tuyền đã bấy lâu
Không vinh không nhục cũng không sầu
Xa bề tửu sắc say mùi đạo
Ngán chữ công danh mển Pháp mầu.
Bát Nhã không tôn thường để dạ
Niết Bàn đương xứ chẳng mong cầu
Hữu vi vô chủ trò hư ảo
Vạn tượng càn khôn một niệm thâu.

Đối tượng tham thiền 27

SƯƠNG LẠNH TÂY NGUYÊN

*Sương lạnh ẩn trời xanh hiển hiện
Sương đi đâu lạnh chuyển về đâu?
Văng hồng tỏa khắp mặt cầu
Nhớ sương nhớ lạnh biết đâu mà tìm!
Sương lạnh tánh hư sanh ảo diệt
Tướng lạnh hư mà thực mới màu
Thực hư hư thực cân nhau
Lấy gì làm thực, thế nào là hư?
Hư và thực danh từ đối đãi
Còn vô minh còn cái thị phi...*

*

* *

Đối tượng tham thiền 28

TỰ TRÀO

Tám mươi tuổi Tây Ta lộn lẹo!

Tuổi là gì léo nhéo lo toan!

Xuân qua Đông lộn năm tàn

Thời gian ai giữ ai cầm ai ghi?

Năm với tháng: Lấy gì làm cứ?

Bóng ngày đêm có giữ được chăng?

Đêm ngày khôn giữ khó ngăn

Thì năm với tuổi cầm bằng hư vô!

*

* *

Đối tượng tham thiền 29

TIẾNG CHUÔNG CHÙA

*Chuông chùa vắng vắng cánh đời Đông
Đồng vọng trong tôi chữ Sắc Không
Bát Nhã huyền tôn tôi luyện chí
Thiền cơ tĩnh lự khắc ghi lòng
Trần gian bèo hợp nhân sinh huyền
Quốc thổ cờ chia vạn tượng không
Vắng vắng âm thanh buông một điệu
Mỗi người mỗi cảnh mỗi hoài mong.*

*

* *

Đối tượng tham thiền 30

PHẬT NGỌC

Cảm tác “Phật Ngọc” được chớ tới Tp. HCM lần đầu

Ngày 30/3//2009 (Mùng 5/3/Kỷ Sửu)

*Phật ngọc đồn vang khắp đó đây
Ngọc thành ra Phật nực cười thay!
Thế Tôn: Giác giả phàm nhân biết
“Phật ngọc” vừa nghe, Phật hồi ời!
“Phật ngọc” vừa nghe, Phật hồi ời!
Thương cho Phật tử thiếu minh sư
Vô tri, Giác giả xa trời vực
Lạy “Ngọc” lòng mơ lạy Phật Đà!
“Ngọc, đá, vàng, thau” chung: Khoáng vật
Hữu vi vô chủ cộng duyên sanh
Trần gian mộng ảo, thân tâm huyễn
Phật ngọc hơn gì Phật đất nung?!*

Đối tượng tham thiền 31

CAO NGUYÊN TỊCH CẢNH

*Sớm chơi rừng suối, tối về am
Đôi bữa cơm rau khô ước mong
Biết đủ đơn sơ là đã đủ
Vui nhàn vô sự gọi đấy nhàn
Nhân gian chốn vướng đa đoan sự
Đạo pháp đừng chen, bận rộn tâm
Cắt đứt duyên trần ly bốn tướng
Dừng dừng tâm cảnh khỏi tu Thiền.*

Đối tượng tham thiền 32

LY NGÔN

*Tôi biết hết, giờ đây như chẳng biết
Một là mười, mười là vô lượng chẳng ngoài nhau!
Lắm kẻ cho tôi khéo vẽ chuyện tầm phào...
Xin cam nhận: Trải sáu mươi ba năm sau tôi mới
biết...
Người ta nói Địa cầu to lớn lắm
Hiếu rõ ra: Quả đất tí tì tì ti...
Cái lớn kia, do nhời cục cái nhỏ này!
Nhiều cái nhỏ, hợp chung thành cái lớn...
Học đạo Phật, Lý Duyên sanh là thế ấy
Một trong nhiều, nhiều của một tự dung nhau
Ta đã nghe và thật chứng rõ ràng!
Thấy biết hết, mà nói gì đều không trúng.*

Đối tượng tham thiền 33

“TÔI” và “TA”

Tên tôi không có trong tôi
Không gian sao có chỗ ngồi dành cho!
Hỏi mi giống loại là chi?
Mà mong chỗ đứng nơi ngồi không gian?
Không gian găm đáng ngõ ngang!
Cách ly vật sắc không gian là gì?
Thời gian: Ý niệm huyễn hư!
Tách rời sanh trưởng còn chi tháng ngày
Không gian không chỗ dung tôi
Thời gian viễn tưởng của người mộng mê!
Nói gì? Nói với ai đây?
Thôi thì, mình viết mình chơi với mình!
Mặc ai xem đỏ xem đen
Xem hồng xem lục tùy mang kính màu
Viết chi? Viết để làm gì?
Không gian ai nghĩ? Thời gian ai màng?
“Tôi” “ta” là cái... chi... chi...?

Đối tượng tham thiền 34

GỖ TỐT TRÔI SÔNG

Khất sĩ⁽¹⁾ chơn nhờn giữ đạo nhà

Quyết lòng phá ác diệt quân ma⁽¹⁾

Nhìn sâu! Vạn pháp như hoa đốm

Giải thoát Tam vô⁽²⁾ cửa bước qua!

(1) Thầy Tỳ kheo gồm có các nghĩa: a) Khất sĩ – b) Bồ ma – c) Phá ác (2) Tam vô = Tam giải thoát môn: a) Không – b) Vô tướng – c) Vô nguyện

Đối tượng tham thiền 35

SẮC TÂM DUYÊN HỢP

- *Sanh từ đâu đến?*

- *Chết đi về đâu?*

Ngũ ấm duyên sanh: Sắc cộng Tâm

SẮC TÂM vô ngã tự thiên chân

Diệt: Ly – Sanh: Hợp theo duyên hiện!

Ẩn hiển⁽¹⁾ cùng chung thể PHÁP THÂN⁽²⁾.

(1) - Thân Ngũ ấm hiện hữu = Hiện

- Thân Ngũ ấm chết mất = Ẩn

(2) Pháp thân = Biến nhất thiết xứ

Đối tượng tham thiền 36

CƯ TRẦN LẠC ĐẠO

Thơ của Sơ Tổ Trúc Lâm Yên Tử

Như Huyền Thiền Sư dịch

Ở đời vui đạo sống tùy duyên

Thấy đói thì ăn mệt ngủ liền

Giải thoát trong ta đừng kiếm nữa

Dừng dưng tâm cảnh khỏi tu Thiền!

Đối tượng tham thiền 37

CHÂN VỌNG KHÔNG HAI

Học Phật pháp không ngoài vạn pháp

Ly thế gian chánh giác khôn tìm...

Nhìn bên hiện tượng: Nhân duyên...

Trông về bản thể rõ là: Nhất chân.

Đối tượng tham thiền 38

LẤY, BỎ...

Bỏ? Không được! Lấy? Lại càng không được!

Vạn pháp vốn không, lấy...bỏ... cái chi chi...?

Ngũ uẩn thân, còn chẳng gọi được là gì...!

“Sắc thủ thú” hoa trái của quá trình tương

tục, ảo!

Đối tượng tham thiền 39

TÌNH THẦY TRÒ PHẬT và ĐỆ TỬ

Luận về **CHỨNG ĐẮC**

*Con ơi! Phật có “đắc” gì đâu!
Cái quả “Bồ Đề” nói vậy thôi!
Vô ngã, vô nhân... vô thọ giả!
Còn chi để chứng... để mong cầu...?
“Bồ Đề” chẳng thật! Các con ơi!
Bình đẳng như “không” chỉ vậy thôi!
Cao thấp “hơn thua” đều trống rỗng...!
Danh từ, ngôn thuyết, nói mà chơi...!
Phước đức tìm đâu, để được? Con!
Tĩnh rồi quả “Phật” cũng không còn!
Sắc màu? Vật thể? Là công đức?
Công đức mà không! ... Tất cả không!*

Đối tượng tham thiền 40

TÌNH THẦY TRÒ PHẬT và ĐỆ TỬ

Luận về NGÃU TƯỢNG LỘ THIÊN

Con nên nhớ lời Như Lai dạy:

Trọng Như Lai chớ tựa Sắc thân

Âm thanh cũng vậy! Nghe con!

Lời Như Lai nói như thuyền quá giang!

Hàng tu sĩ thời nay ít học!

Trọng Như Lai, quý tượng, mê hình!

Phời trần chư Phật quanh năm

Lềnh khên thánh chúng “LỘ THIÊN” tháng ngày!

Thấy người mà gẫm thân mình...

Chịu đời sao thấu! Bốn mùa nắng sương?...

Đối tượng tham thiền 41

TÁM CHỮ CHI

Không nói chi chi đã hiểu rồi!

Đừng ai gạn tở hiểu chi chi!

Nói chi không trúng mần chi đáp?

Vạn pháp không chi! Phải hỏi chi?

Đối tượng tham thiền 42

NHÌN QUA TUỆ NHÃN

*Thiền định giỏi bùng phát ra trí tuệ.
Giác ngộ rồi! Căn cảnh: Khói sương mù...
Bảo rằng không mà không được hiểu ngoan không
Rằng là có nhưng đổ ai tìm ra bản chất?
Thấy biết rõ thế gian không thực thế...!
Y tha duyên hiện tượng khởi trùng trùng...
Tựa danh ngôn mà vạn vật có tuổi tên...!
Qua Tuệ nhãn: Vạn pháp không hư không thật
Người là chi? Trời, Thần, Thánh, Phật... là chi?
Cùng bản chất của những gì không bản chất!
Hữu vi pháp chỉ là phù vân... ảo... ảnh...
Sống! Sống chơi! ... Rồi chết! Lại cũng là... chơi!*

Đối tượng tham thiền 43

ĐÂU NGUỒN CHÂN LÝ?

Vũ trụ tương quan hợp tác thành!

Sự này hòa hợp vật kia sanh!

Đây đồng, đó dị luôn mâu thuẫn!

Thống nhất ngoài chung, đối lập riêng...!

Đối tượng tham thiền 44

THÂN PHẬN BÈO MÂY ?

(法身常住宇宙傲遊)

Tôi chẳng có một địa phương thường trú!

Hiện nay tôi tạm trú với Pháp thân!

Vũ trụ tôi ngao du! Rồi cũng đoạn thág qua ngày!

Nhìn sự vật thú vị! Tôi cười! Và biết rõ:

NÓI GÌ CŨNG KHÔNG BAO GIỜ TRÚNG!

Đối tượng tham thiền 45

KIỆP NHÂN SINH

(Nhân nghe tin một Thi hữu, cựu công chức 87 tuổi, vừa ra đi...

không hẹn ngày trở lại)

Bảy mươi tuổi, “đã là người xưa nay hiếm”

Tám mươi dư, ắt hẳn khó có hơn!

Gọi thời gian? Không một chứng tích làm ghi!

Khoảng vô tận? Không gian lấy gì căn cứ?

Biến kế chấp, người ta đặt ra năm tháng!

Tựa danh ngôn, mà định... vị thấp và cao...?

*Thành, bại, loanh quanh...! Cành hoa hy vọng
chợt*

tàn!

*Đau đớn nhẽ! Kiếp nhân sinh đồng sàng mà quá
nhiều dị mộng...!*

*

* *

Đối tượng tham thiền 46

THU ĐẾN ?

Thu đến Xuân đi trời vẫn tịnh.

Tám ba dư... tuổi rỗng thênh thênh!

Không thêm, không bớt, không đi đến!

Không có! Không không! Có cũng không!

Đối tượng tham thiền 47

PHI TƯỞNG

*Vạn pháp xưa nay TÁNH lặng trong
CÓ do “Diệu hữu” có dường không:
Không sau, không trước NHƯ’ như một
Không đến, không đi... vốn chẳng sanh!*

Đối tượng tham thiền 48

THIỀN HÀNH NIỆM KHỞI

Ai ơi! Định tỉnh bốn tâm mình!

Tự ngã phù hư! Huống lợi... danh...!

Phật dạy: Hữu vi như mộng... ảo...!

Sá gì huyễn chất! Chẳng xem... khinh!?

Đối tượng tham thiền 49

TÊN GỌI !

Như Lai? Phật Tổ? Một mà hai

Dẫu gọi tên... gì... cũng chẳng sao!

Vô ngã, vô nhân, vô thọ giả!

Chức danh... ngôn ngữ để tâm chi...?

Đối tượng tham thiền 50

CẦU BẤT ĐẮC !

Đến với Như Lai hãy nghĩ suy!

Như Lai chẳng có cái gì cho!

Cầu xin vô ích đừng van nguyện...?

Vô ngã vô nhân: PHẬT... ấy mà!

Đối tượng tham thiền 51

CHÓ và TÔI

*Chú chó và tôi giống quá đi!
Ban trưa mà ngủ! Bất cần chi?
Sống chơi lây lất chờ ngưng thờ
Hóa kiếp! Tiêu dao chẳng nghĩ gì!
Chó và tôi lại giống nhau ở điểm
Giữa ban trưa mà vẫn ngủ ngon lành
Sống, sống chơi! Chừng hết sống, chết chơi!
Gọi “hóa kiếp”! Nhưng chẳng có kiếp đâu để
hóa!
Điều trọng đại: Chết sao nhanh gọn nhẹ!
Phước là đây! Đức lại cũng là đây!
“Ra đi” không khổ! Gọi là người VIÊN TỊCH
Thỏng đôi tay mà về lại chốn quê xưa!*

Đối tượng tham thiền 52

MỘT ƯỚC MƠ LÝ TƯỞNG

Tôi muốn chết chơi, chết một mình!

Chết trong quạnh quẽ giữa thênh thênh

Hòa tan vũ trụ theo sương móc

Hội nhập trời mây lẫn nước non!

Đối tượng tham thiền 53

PHẢN BỒN HOÀN NGUYÊN

Ta sẽ hòa tan với Pháp thân!

Viễn ly căn cảnh viễn ly trần!

Ấm thân vô chủ chừ vô dụng!

Duyên khởi từ không, trở lại không!

Đối tượng tham thiền 54

TỬ GIẢI THOÁT MÔN

Coi thường mọi cảnh trước thiên nhiên!

Buông bỏ trần lao dứt các duyên!

Không động sắc tâm luôn tự tại!

Xa lìa Tam độc sống vô biên!

Đối tượng tham thiền 55

ĐỜI !...

Trời mây vạn kỷ mây trời
Mây đi mây đến trời mây mây trời
Có không không có ngôn từ
Có không không có muôn đời có không
Diệt sanh sanh diệt não lòng
Diệt sanh sanh diệt chẳng mòn chẳng thêm!
Mất còn còn mất tiếc thương!
Gì còn? Gì mất? Ai lường ai đong?
Ghét thương thương ghét mặc lòng
Ghét thương thương ghét cái vòng thị phi
Hơn thua phải quấy là gì?
Bởi lòng phân biệt so bì mà ra!
Đêm khuya nhìn dãy ngân hà
Trời sao lồng lộng vạn đời trời sao!
Ngân hà “thọ tử” như gì?
Đố ai nói trúng ngân hà là chi?
Danh ngôn muôn thuở danh ngôn!...
Danh ngôn có chất đâu còn danh ngôn!

Hồi ký Nhớ Ông Thầy

Hèn chi nói chẳng trúng gì!...

Đối tượng tham thiền 56

MỘNG ? THỰC ?

Tôi tự hỏi: Tôi là gì? Chưa biết!

Tôi là người? Là mộng? Là thực ư?...

Người là chi, trong cái gọi người?

“Sắc thủ thú” một danh từ “bất đắc dĩ”!

Vô ngã vô ngôn thì còn biết nói gì?!

Khi tỉnh giấc, tôi bàng hoàng về:

MỘNG ? THỰC ?

Đối tượng tham thiền 57

ÍCH KỶ CẦN PHẢI HỌC

(Đại ý của Phật pháp)

Muốn thành Phật ta phải tu tập tận cùng ích kỷ!

Đừng nghĩ việc của người và quên mất ta là ai!

*Tướng Ngã Nhân là sản phẩm từ Nghiệp tướng vô
minh!*

*Ly tứ tướng còn phải quên cả không gian, thời gian
mà con người ai cũng tưởng là hằng hữu!*

Đối tượng tham thiền 58

HƯ KHÔNG TẠNG BỒ TÁT⁽¹⁾

ÔNG LÀ AI ?

(Đại ý Phật pháp)

Dù sinh hoạt, tự xem mình như đã chết!

Trụ nhơn gian, mà không có mặt cõi Ta bà!

Có thấy nghe, nhưng rỗng lặng tự “sinh manh”⁽²⁾!

Sống tuệ giác, đặt mình như người vô trí⁽³⁾!

*

* *

(1) Pháp hội Hư Không Tạng Bồ tát, phẩm thứ 55, kinh Đại Bảo Tích tập 8, xuất bản 11-9-2010. Người dịch Hòa thượng Thích Trí Tịnh

(2) Sinh manh : Thiếu giác quan từ trong bụng mẹ

(3) Vô trí : Vô phân biệt trí

Đối tượng tham thiền 59

NGÃU HỨNG

Hữu vi pháp tìm sao ra tánh chất?

Danh cú văn dành để hý luận lúc cô tâm!

*Hương trà, vị quả dù có giỏi nghe nhưng không ai
biết được!*

Cho nên biết: “Nói gì cũng không bao giờ trúng”!

Nói với ai? Và phải nói gì đây?

Nói mà không thấy nói! À... Như lai đã dạy ...

Đối tượng tham thiền 60

PHÁP TÁNH

(THẬP NHƯ THỊ. Đừng hỏi tại sao?)

Tánh nó vậy, hỏi sao nói được!

Nói gì đây? Muối mặn chanh chua?

Tướng thế ấy, hỏi gì thêm nữa!

Núi thì cao! Đừng hỏi bể sao sâu!?

Thể của nước thì mềm và yếu.

Gặp cuồng phong, nước hóa “sóng thần”!

Lực cỏ cây, một hướng, hướng dương:

Khỏi nghĩ ngợi... vì sao nó vậy?

Là vật thể, không rời... hợp... tác...!

Trước hợp rồi, sau **tác** thể hình.

Nhơn như thế, duyên ra như thế!

Trồng cần sa không thu hoạch lúa ngô!

Duyên gá nghĩa với người châu... khác...!

Lý quê hương, xa cách lục thân

Sự hiện hữu **HÌNH NÀY... THỂ NỌ...!**

Hỏi tại sao? Xin “**ĐỪNG HỎI TẠI SAO**”...!?

Đối tượng tham thiền 61

TỰ NÓI ...

Gãm thế sự tôi tự nói: Không gì để nói!

Nói gì đây? Đã biết rõ vạn pháp chẳng có thật gì!

“Có” còn không, thì “thật” lấy đâu ra?

“Thật” vốn không thật, “có” càng không thể nói!

Nếu bảo có, có gì xin... chỉ...?

Có mà chân, làm gì có bãi bể nương dâu!

Tôi biết! Nói ra cũng chẳng nói được gì...!

Vẫn cứ nói, nói với càn khôn vũ trụ!

*

* *

Đối tượng tham thiền 62

HÃY NÓI **KHÔNG** VỚI TẤT CẢ !

Phật chẳng tu gì các bạn ơi!

Phật thường di dưỡng thiện tâm thôi:

Nói “không” trần thế “không” nhân ngã

“Không” cả không gian “không” thế gian ...!

Đối tượng tham thiền 63

NÓI KHÔNG VỚI VẠN PHÁP

*Muốn thành Phật, nói KHÔNG với tất cả
Phật Thích Ca dạy như vậy ngày xưa!
Lánh vợ con, từ bỏ cả quốc thành...
Để lập chí: NÓI KHÔNG cùng vũ trụ!
Không hết thầy, Hữu vi là mộng ảo!
Vô vi không, thể tánh vốn tự không!
Nhất thiết không, không cả cái không không!
Trước cái thấy biết, chỉ còn: NHƯ THỊ...!*

*

* *

Đối tượng tham thiền 64

PHẬT LÀ TA... TA LÀ PHẬT

Thuở nhỏ: Tao... mà... nó... chúng ta

Lớn lên: Anh... chú... bác... ông... cha!

Nhớ ra gẫm lại: Thằng cu Tý!

Nào phải ai đâu “khúm núm” cầu...!

Đối tượng tham thiền 65

LIỄU ĐẠO CA

(Điệu Lưu Thủy Hành Vân)

Lời: Như Huyền Thiền Sư

*Ai biết được đời tôi thanh thoi
Lòng sáng hơn sao trời
Soi ra xuyên suốt không gian ba ngàn đại thiên
Khi nhiếp thu trong một vi trần...
Ai hiểu được lòng tôi rỗng rang
Nhìn Hữu vi như bọt bèo
Trông qua vạn pháp lao xao vô cùng diệt sanh
Tôi hoát nhiên nở nụ hoa cười!
Xin các bạn nhìn lui huyền thân
Đời! Đã hơn nữa đời!
Mong manh! Năm tháng qua mau, rõ là mong
manh!
Lưu luyến chi? Thế cuộc vô thường...!
Ôi! Cõi tạm trần gian sá chi!
Lời Thế Tôn dạy rành...!
Nhân sinh vô ngã vô nhân tựa hồ không hoa...!
Vui thú chi giấc điệp canh dài!*

Hồi ký Nhớ Ông Thầy

Đối tượng tham thiền 66

HÃY CHỌN MỘT CON ĐƯỜNG TRONG HAI CON ĐƯỜNG

(Điệu: Lý Chiều Chiều)

Lời: Như Huyền Thiền Sư

*Chiều chiều ra đứng
Bên rừng cây, trên đồi Thông
Nhớ ai tu hành sai bét
Xót xa xót xa trong lòng
Tôi tiếc thương vô cùng.
Trong lòng tôi tiếc thương
Thương cho lối tu sai lầm.
Lờ mờ trăng chiếu
Xuyên rừng khuya, qua đồi Thông
Nhớ khi suy tìm chân lý.
Dưới trăng dưới trăng một mình
Nghe thanh thoi trong lòng.
Trong lòng tôi thanh thoi
Vui thay dưới trăng một mình.
Đường về bến giác
Không hề xa, không hề xa*

Nếu ta tâm hồn trong trắng.
Viễn ly viễn ly hoang đường
Ta viễn ly hoang đường.
Bồ đề Phật tánh hiện ra
Thương ai lỡ mê hoang đường!
Đường đời vạn lý!
Đi về đâu? Đi về đâu?
Trí ngu! Ai người ngu trí.
Biết đâu biết đâu gọi mình!
Đâu biết đâu gọi mình!
Gọi mình! Đâu dễ biết ai!
Thương cho chiếc thân cơ cầu...!

Đối tượng tham thiền 67

SỐNG VUI

(Điệu: Trăng Thu Dạ Khúc)

Lời: Như Huyền Thiền Sư

Nên cười! Cười lên!

Cười cho chuyển động đất trời,

Để cảm ơn cha mẹ,

Ông Thầy dạy con CÁCH SỐNG VUI.

Nên cười! Cười đi!

Cười vang xuyên vũ trụ san hà,

Gởi theo tâm nguyện:

Người người thương nhau như gió trăng

Nên cười! Cười vui!

Vui như cá nước trùng trùng,

Như gia đình sum họp,

Như sắc cầm phượng loan sánh đôi.

Cười vui!

Chẳng mất chút gì

Bỏ biến tâm thanh tịnh, nhận nguồn phù sa. Ôi!

Đáng tiếc thương.

Đối tượng tham thiền 68

BỐ THÍ BA LA MẬT

Không có gì cho, chẳng có cho!

Không người nhận vật khỏi cần lo!

“Tam luân không tịch” à ra thế!

Khất sĩ tay trơn vậy mới là...!

Đối tượng tham thiền 69

... CHỈ LÀ TƯƠNG ĐỐI...

Tuổi lão trần gian gọi tám lăm?

Tháng năm chẳng thấy, vóc da thâm...

Giờ... ngày... xuất phát phường suy diễn!...

Có “có” từ không, “không” đổ tìm...?

Đối tượng tham thiền 70

CHIẾU KIẾN... GIAI KHÔNG

Sanh tử mà “không” há có gì?

Cái ta còn rộng hướng ngoài ta?

Căn, trần, thức, giới, vô minh... ấy!

Cả thầy là duyên, mộng, hữu vi...!

Đối tượng tham thiền 71

Luận về **VUI KHỔ HƠN THUA**

(Chó và NHƯ HUYỄN Thiền Sư)

Thầy ơi! Con chẳng chó gì!

Chó người, người chó đồng là “Chúng sanh”!

Khác nhau bốn cẳng hai chân

Bên nào vương khổ là phần bị thua!

Chó mà không khổ: Chó người

Người mà tốt khổ chất người còn đâu?

Hơn thua ở điểm “khổ” “vui”

Khổ vui là chuẩn, hơn thua là lường

Chúng sanh bình đẳng chúng sanh:

Y tha khởi tánh duyên phần y nhau

Con: Thầy. Thầy: Chó khác gì?

Vấn đề: Ai khổ! Ai không! Ấy Thầy?

Xin Thầy xá lỗi cho con!

Chó Thầy, Thầy chó mình là chúng sanh!

Gặp Thầy con quá đổi... mừng!...

Mừng này, còn có mừng nào mừng hơn!...

Đối tượng tham thiền 72

VÔ NGÔN

Định viết (nói, nghĩ) thêm gì? Hồi cái Ta!

Nhấn còi qua mặt bậc Thầy sao?

Như Lai từng dạy Người: “Vô thuyết”!

Một chữ “VỌNG” “CHÂN” Phật chẳng lưu!

Đối tượng tham thiền 73

TỰ NGÃ ?

*Ta bất lực trước TA và NÓ!
NÓ với TA, ta còn chẳng là gì!
TA với NGƯỜI vốn chẳng là chi!
Đồng một “thế” trong những “loài bất lực”!
Ta bất lực, người người bất lực!
Bất lực tự thân! Cùng bất lực trước vũ trụ thiên
nhiên!*

*Ta là chi? Nhân loại là chi?
Ta hay nhân loại biết ra chỉ là loài “động vật”!
Động vật, khoáng vật, thực vật không loại trừ
“phi vật”!*

*Chung một tên gọi PHÁP HỮU VI!
PHÁP HỮU VI thực chất DUYÊN SINH
Duyên sinh pháp thì sao không BẤT LỰC???*

PHẦN III: NHƯ HUYỀN THIÊN SƯ NGŨ LỤC

Trích một số trong toàn tập

VÀO ĐẠO PHẬT

Người vào đạo Phật là người chấp nhận đặt trọn lòng tin của mình vào đức Phật. Ở thế gian này, loài người trên lục địa năm châu có người nghe và biết ít nhiều về Phật; có người vào đạo Phật, học giáo lý Phật và hành theo giáo lý Phật, những người đó được gọi là đệ tử, học trò của Phật; cũng có số đông người chưa từng nghe biết Phật là gì. Dù vậy, trên mặt địa cầu ngót hai mươi lăm thế kỷ qua đã có xuất hiện một vị Phật, đó là PHẬT TỔ THÍCH CA MÂU NI NHƯ LAI.

THÍCH CA MÂU NI PHẬT vừa là Phật Tổ, vừa là giáo chủ, vừa là Bốn Sư của tất cả mọi người theo đạo Phật.

QUY Y TAM BẢO là nghi lễ đầu tiên, thủ tục của người nhập đạo. Tam bảo ví như ba ngọc quý là: PHẬT, PHÁP, TĂNG. Phật là Phật Thích Ca. Pháp là chánh pháp,

giáo pháp của Phật Thích Ca nói ra. Tăng là hàng đệ tử đạt đạo của Phật, là những vị do học, tu theo chánh pháp mà có được Giác ngộ và Giải thoát. Kinh điển gọi đó là “Tam bảo tại thế gian”.

Đệ tử Phật quy y Tam bảo đúng nghĩa của việc làm ấy là quay về nương tựa Phật, nương tựa Pháp, nương tựa Tăng để học chánh pháp, hành chánh pháp và sống theo chánh pháp “Thế gian Tam bảo ấy”.

Ham lay nhiều Phật, hàng trăm danh hiệu này, hàng ngàn tên Phật khác... hãy thận trọng, khéo tư duy, sao cho khỏi sa rớt vào những ông Phật có “danh tánh”, có “ngôn từ”, mà từ vô thi dĩ chí vô chung không có người trần gian nào gặp, thấy, biết... xuất xứ, nguyên quán của “họ” ở xứ mô nào!

Về Kinh Pháp cũng vậy, quy y chánh pháp của Phật Thích Ca rồi, cần phải dựa trên cơ sở Tam Tuệ học Văn Tư Tu mà quán chiếu, tư duy phù hợp chân lý, rồi mới ứng dụng thực hành. Chánh pháp của Phật phải là “Khế Kinh”. Nếu lệch ngoài tiêu chuẩn “Khế cơ”, “Khế lý” thì dù tụng đọc, lễ bái trọn ngày, trọn bộ cũng không được chút lợi ích gì.

Tăng bảo phải là những người có thật học chánh pháp, có thực hành, có Giác ngộ Giải thoát... dù họ không phải như Phật, bằng được Phật, nhưng họ thừa kế gánh vác gia nghiệp Giải thoát, Giác ngộ của Như Lai để truyền đạt cho hàng đệ tử Như Lai hậu học.

Người có tánh hoang đường, huyền tưởng, sùng thượng những ông... những đấng... siêu hình thì không bao giờ làm người đệ tử Phật chân chánh được!...

TÌM DẤU CHÂN THẦY

Trước đây 70 năm, hồi đó tôi chưa vào chùa, tất nhiên là chưa được làm chú tiểu, mà tôi đã từng đọc sách, quyển sách dành cho những thầy tướng số coi vận mạng, chọn ngày giờ tốt xấu thường dùng. Cái nhan đề của quyển sách ấy là Ngọc Hạp. Những trang cuối của quyển Ngọc Hạp có ghi ngày lễ vía của các thần linh, thánh hiền, trong đó có ngày đản sanh, xuất gia, thành đạo và nhập Niết bàn của đức Phật Thích Ca. Nhờ đó mà tôi biết được ngày sanh... cũng như ngày nhập Niết Bàn của đức Phật. Khoảng 50 năm về trước, tất cả chùa chiền đạo Phật Việt Nam đồng chấp nhận ngày đản sanh của đức Phật là ngày mùng 8 tháng tư (âm lịch), ngày thái tử xuất gia là mùng 8 tháng hai, ngày thành đạo là mùng 8 tháng chạp, và Phật Niết bàn vào ngày rằm tháng hai. Thời đó, chưa có cái quy ước chung như ngày nay của Phật giáo thế giới, nhất trí rằng đức Phật đản sanh, xuất gia, thành đạo và nhập Niết bàn chỉ vào ngày trăng tròn, tức là ngày rằm của những tháng vừa kể.

Cứ theo quy ước của Phật giáo thế giới thì muốn TÌM DẤU CHÂN THẦY khởi thi chúng ta phải dựa vào đêm rằm tháng hai, là ngày thái tử Tất Đạt Đa “từ ly” vợ hiền con yêu

dầu... Theo sách sử Phật để lại, như chúng ta đã biết đức Phật đản sanh xứ Ấn Độ thời xưa trong một gia đình Vương giả, Ngài là con vua Tịnh Phạn, là một thái tử đương thời và là người thông minh xuất chúng, văn võ kim toàn. Đức Phật sanh ra vào thời mà con người xã hội xứ Ấn Độ sống theo chế độ giai cấp phân chia vô cùng nghiệt ngã... Thuở ấy, Bà la môn giáo là giai cấp quý tộc đứng đầu trong xã hội. Đức Phật thì sanh trong dòng Sát đế ly, tức là dòng dõi vua chúa thuộc giai cấp thứ hai. Ngoài ra, còn giai cấp bình dân như Phệ xá, Thủ đà la và giai cấp Baria nô lệ...

Dựa trên cơ sở Văn Tư Tu, Tam tuệ của người đệ tử Phật, ta có thể nhận thức rõ rằng cái động cơ thúc đẩy thái tử Tất Đạt Đa ra đi tìm chân lý, tìm con đường giải thoát cho mình, cho người của xứ Ấn Độ thời ấy là do sự bất bình, bất mãn áp bức nghiệt ngã bất công của xã hội Ấn Độ lúc bấy giờ.

Dòng Sát đế ly dù làm vua, làm quan thiết lập triều đình, thống lãnh quyền hành cai trị hết thảy dân trong một nước, nhưng định chế lễ giáo phong tục tập quán của triều đình, của chế độ đương thời nhất nhất đều phải tuân theo bốn bộ kinh Vệ Đà dưới sự chỉ đạo và lãnh đạo của giai cấp Bà la môn.

Người xưa nói: *“Hoàng thiên bất phụ đạo tâm nhơn”*, cái đêm ông hoàng thái tử từ biệt vợ con, rời bỏ cung son điện ngọc, quyết chí xuất gia tìm đường giải thoát mong đem

lại sự an vui thoát khổ cho mọi người... vũ trụ như thông cảm, đất trời như hoan hỷ đón chào, trăng sao tỏ rạng đưa đường chỉ lối suốt đêm dài, cho đến khi bình minh xuất hiện.

Trời vừa rạng sáng, Thái tử và Xa Nặc người hầu cùng với hai con ngựa phải khó khăn tìm chỗ mới qua được dòng suối Anoma đến mé rừng già u tịch. Ở đây thầy trò nói lời từ biệt và đôi ngã chia tay. Một mình ở trong cảnh núi rừng cô tịch, lần đầu tiên thái tử gặp người thợ săn mặc lối áo sa môn, qua mấy câu xả giao chào hỏi và tìm hiểu, biết được người thợ săn làm như vậy để lừa những con thú rừng... thái tử bèn đề xuất đổi chiếc áo hoàng vương của mình, để lấy chiếc áo sa môn của anh thợ săn đang mặc. Có phải chăng hành động lợi ngược dòng, đi trái đường thế tục bắt đầu biểu hiện từ đây!

... A-la-ra Ka-la-ma và Uất Đầu Lô Phất là hai vị Tôn sư mà thái tử thọ giáo và học tham thiền. Bước đầu học bốn đối tượng thiền bên mặt Hữu:

1. Ly sanh hỷ lạc.
2. Định sanh hỷ lạc.
3. Ly hỷ lạc đặc diệu lạc.
4. Ly hỷ lạc đặc tịch tịnh tâm.

Bên mặt Vô cũng có bốn đối tượng thiền:

1. Không vô biên xứ.
2. Thức vô biên xứ.

3. Vô sở hữu xứ.

4. Phi tướng phi phi tướng xứ.

Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tướng phi phi tướng xứ, bốn đối tượng ấy cũng gọi đó là Tứ Không hay Tứ Vô Sắc, vì nó không là gì, vì nó không có hình dáng không có sắc chất, vì nó có danh mà không có thực, vì nó là thứ “Phi vật thể”.

Không vô biên là không đã đành. Thức vô biên thức cũng là không như vậy. Vô sở hữu tự nó nói lên nó là không có gì. Còn Phi tướng và Phi phi tướng vượt ngoài ý tưởng của loài người, thì còn gì để nói?!

Thiền định đến điểm hoát nhiên đại ngộ, đệ tử Phật gọi đó là Như Lai Thiền. Đại ngộ Như Lai Thiền rồi, kinh điển gọi đó là người giác ngộ chân lý. Người giác ngộ chân lý trọn vẹn, kinh điển gọi đó là GIÁC GIẢ. Giác giả tức là Phật. Do vậy Phật là con người, vẫn là một con người chứ không là gì khác. Người xưa có thơ rằng:

“Lô Sơn vân vũ Chiết Giang triều

Vị đáo thiên bang hận bất tiêu

Đáo dĩ hoàn lai vô biệt sự

Lô Sơn vân vũ Chiết Giang triều”.

TÌM DẤU CHÂN THẦY, hàng đệ tử Phật chúng ta hẳn ai cũng thấy rõ rằng: Thầy của chúng ta là Phật Thích Ca Mâu Ni xưa kia. Từ khi xuất gia tầm đạo cho đến lúc thành

Phật, trước sau Người chỉ đi một lộ trình Văn Tư Tu, mà thành tựu quả Giải thoát và Giải thoát tri kiến của một đức Chí Tôn Vô Thượng.

TỪ THÂN XUẤT GIA

Con xin phép cha mẹ cho con đi tìm đạo, học đạo và hành đạo, con không sống trong gia đình nữa. Đó là ý nghĩa của cụm từ TỪ THÂN XUẤT GIA.

Vấn đề xuất gia tu học, ngày xưa Linh Hựu Thiền Sư có lời nhắn nhủ với những người hậu học: “Từ thân cát ái phi truy, ý dục đăng siêu hà sở” có nghĩa là người xuất gia là người cát ái từ thân, phải giữ vững cái lý tưởng hướng thượng của mình khi phát khởi sơ tâm! Huyền Giác Thiền Sư thì nói lên nỗi lòng sung sướng vô hạn của mình sau thời gian tìm tu học đạo:

Du giang hải, thiệp sơn xuyên

Tâm sư phủng đạo vị tham thiền

Tự tùng nhận đắc Tào Khê lộ

Liễu tri sanh tử bất tương can

(Chứng Đạo Ca)

Xuất gia là bước khởi đầu và cũng là nền tảng cho người vốn có lý tưởng giải thoát giác ngộ. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni xưa kia là người đã làm việc ấy đầu tiên để có ra đạo Phật ngày nay. Vì vậy xuất gia và ý nghĩa xuất gia vừa

sâu sắc vừa trọng đại, thậm chí vô cùng trọng đại đối với người đệ tử Phật!

LIÊU TRI SANH TỬ BẤT TƯƠNG CAN rõ là vô cùng trọng đại! Chứ còn gì?

Dựa trên tầm cao vút và ý nghĩa thăm sâu, kinh điển Phật đã định nghĩa: Người xuất gia là người ra khỏi nhà Dục giới, nhà Sắc giới và nhà Vô sắc giới, chứ không phải ra khỏi nhà cha mẹ, hay gia đình thế tục mà thôi. Ngoài ra còn ra khỏi nhà phiền não, nhà vô minh: Tham, sân, si, mạn... (出家者, 出三界家, 出煩惱家, 出貪嗔癡慢家, 非但出世家而已).

Xuất gia là nhân, là điều kiện ra khỏi Tam giới, là người viễn ly Tam giới, là người Giải thoát và Giác ngộ ngay trong Tam giới. Người ở trong Tam giới mà không còn bị tất cả những gì của Tam giới dính líu và buộc ràng, người được vậy gọi là thành Phật. Phật là người có khả năng mở đường, chỉ lối, dạy bảo, hướng dẫn cho những ai bị nổi khổ trong Tam giới hoành hành sát hại. Cho nên, gọi Phật là bậc TAM GIỚI CHI ĐẠO SƯ.

Nhân xuất gia làm Tỳ kheo tu học giáo lý Tứ Đế, quả là người xuất ly Tam giới, mà xuất ly Tam giới là tiêu chuẩn của một đức Phật, người đã thành Phật. Nếu ai đó đòi hỏi địa vị nào khác, tiêu chuẩn nào khác, chê việc làm của Phật thuộc hệ tư tưởng Tiểu thừa, khoa trương việc làm, khoe

khoang kinh điển của phe chúng mình là Đại thừa, Trung thừa gì đó, xin hãy tự Thiền định, găm lại việc làm của mình có trái với cái chí nguyện TỪ THÂN XUẤT GIA lúc sơ tâm chăng?

NHÂN DUYÊN

Nhân duyên là chân lý tương tác, tương thành của vũ trụ nhân sinh. Thích Ca Mâu Ni gọi là “Thành Phật” do công lao Thiền định, có trí tuệ phát hiện chân lý đó.

Vũ trụ duyên sanh biểu hiện ra: Khoáng vật thể, Động vật thể, Thực vật thể và Phi vật thể sờ sờ trước mắt thấy, tai nghe.

VẠN PHÁP DUYÊN SANH. Duyên sanh thì NHƯ HUYỄN bởi tự tánh VÔ NGÃ, VÔ NHÂN, VÔ CHÚNG SANH, VÔ THỌ GIẢ của nó.

Vậy mà người ta đào tạo ra cả một thế hệ phái tu ngồi, thi ngồi, để tìm vọng diệt vọng, thấy vọng bỏ vọng?!

Với thành phần ấy có lúc Như Lai phải thốt lời nhủ, có mùi vị hơi chất chất chua chua rằng: “Như Lai gọi các... ông... là những người đáng thương xót”!

Đã là “tao”, “mày” đối thoại, mà tìm để chỉ ra ai là tao, ai là mày, sao cho có???

CHÁNH NHÂN THÀNH PHẬT

Mỗi con người là một vị Phật, vì ai cũng có thể thành Phật. Giáo lý đạo Phật dạy: “Nhân chi sơ tánh bổn tịnh”. Tánh “Bổn tịnh” của bạn là chiếc áo trắng. Màu đỏ thắm, màu xanh chàm, màu đen hắc, màu vàng nghệ... tùy sở thích của bạn mà nhuộm chiếc áo của mình, thì bạn sẽ có chiếc áo đó.

Nhớ! Nếu mình là người đạo Phật, đệ tử Phật đã QUY Y TAM BẢO, thì trước khi nhuộm áo không cần lạy lức, khỏi khấn khứa cầu nguyện van xin với bất cứ ông nào, bà nào, thánh thần... đức... đấng nào, mà bạn chỉ cần ra sức thao tác đúng cách nhuộm, thì bạn sẽ có cái áo y như ý muốn.

Cái đạo lý “Luân hồi Lục đạo” hay “Đọa lạc Tam đồ” cũng chỉ là “Tùy thuận chân lý” NHẤT THIẾT DUY TÂM TẠO, vậy thôi!

Thích Ca Mâu Ni Phật đã dạy: “Phật có thành Vô Thượng Bồ Đề gì đâu”? Nói: “Ta tu Thiện pháp, có Thiện pháp gì đâu”? Ta chỉ làm cái công tác “Vô ngã tướng, vô nhân tướng...” rồi tự nó vậy, ấy mà!

DUYÊN NHÂN THÀNH PHẬT

Thảo mộc tùng lâm... là cụm từ gọi chung những loại thực vật có bông có trái. Xoài cát Hòa Lộc, cam mật Cái Bè, sầu riêng G6 Cái Mơn... là những thứ trái cây có giá trị ngọt, thơm, ngon, nhiều dinh dưỡng và có kinh tế cao... Biết giá trị ngọt ngon dinh dưỡng của giống cây, biết giá trị kinh tế, hoa

lợi thu hoạch hoa trái của cây mà mình đã trồng, là cái “biết” đáng khích lệ cho một nông phu có ý chí muốn trở thành người giàu có...

Trồng cây, thậm chí trồng nhiều thứ cây ăn trái có giống tốt trái ngon, chưa đủ. Để có thu hoạch trúng mùa, chất lượng hoa trái tốt, người nông phu nhiều hiểu biết người ta thường xuyên bón cho vườn cây mình đều đặn những thứ phân: Kali, Lân, NPK, đạm chất, khoáng chất... và còn phải tưới nước đúng lúc, phải phun thuốc ngừa sâu đúng định kỳ. Làm đúng vậy, người nông phu sẽ có thu hoạch mỹ mãn, thành công và thịnh vượng... như ý!

Ta là cây, chúng ta là những cây giống ngọt ngon của rừng cây quý ấy. Tứ Niệm Xứ quán, Tứ Chánh Cần, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần... Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục... là những thứ phân có chất liệu tốt để cho cây sanh sôi nảy nở, đơm hoa kết trái trí tuệ trĩu nặng quăn cây. Đó là lẽ tất nhiên!

Nước, phân cần giống là khẩu hiệu của nhà nông. Đã là nhà nông thì nhà nông nào tất nhiên cũng phải học, cũng phải biết.

Duyên nhân là vậy!

Nhìn bên sự tác động của nước... phân... cần giống là nhìn chân lý Duyên sanh của vũ trụ bên mặt không gian. Nhìn bên quá trình sanh trưởng, nảy nở hoa trái của cây là nhìn chân lý Duyên sanh của vũ trụ bên mặt thời gian.

Nhân quả là vậy!

LIỄU NHÂN THÀNH PHẬT

Phật không phải là một quả vị tối tôn, tối thượng, độc đáo, độc quyền của ai đó... hay giành ưu tiên cho bất kỳ ai trên hành tinh mà nhân loại đang sống. Kinh dạy: Người Phật tử biết học đạo, biết hành đạo thì tất cả mọi người, rồi ai cũng được thành Phật (Kinh Pháp Hoa).

Mê muội chân lý là chúng sanh. Giác ngộ chân lý gọi là Phật.

Phật là người, người là Phật. Phật là ta, là chúng ta; ta là Phật, chúng ta là Phật.

Sống trong mê muội, ta là phàm phu. Gột rửa sạch hết mê muội, giác ngộ hiện ra, ta là Phật.

Ngày tỏ rõ ra, ta giác ngộ, gột rửa sạch hết mê muội vô minh, ta là Phật.

Ngày tỏ rõ ra, ta giác ngộ thành người Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí, là người phát hiện Vô sư trí, Tự nhiên trí... ta là Giác giả, là Phật.

Ngày tỏ rõ ra, ta có Tứ vô sở úy, Tứ vô ngại trí, Thập trí lực, Thập bát bất cộng pháp, ta là Giác giả, là Bồ Đề Vô Thượng, là Phật.

Mê và giác, chúng sanh và Phật, không phải hai!

Liễu nhân là vậy!

Thành Phật chỉ là hoa trái của quá trình học tu đúng hướng chỉ đạo của một Minh sư!

NẠN XỬ CẦN SỚM VIỄN LY

Là người trí ta cần dụng trí. Sử dụng Tuệ nhãn mà nhìn: “Tam giới vô an”!

Tam giới là một nạn xứ. Xuất gia theo Phật ta cần sớm bỏ cái nạn xứ, phải ra khỏi nạn xứ mới có an lạc.

Người xuất gia không phải chỉ ra khỏi nhà thế tục vợ con cha mẹ xóm làng. Nhà Tam giới mới là một nhà lớn mênh mông, một nạn xứ vô cùng khủng khiếp đối với kiếp nhân sinh.

DỤC GIỚI, SẮC GIỚI, VÔ SẮC GIỚI là một “nhà lao tù” không biên giới, dù nó có tên là GIỚI.

- DỤC GIỚI gồm: Dục vọng, dục lạc, dục tham, dục ái... là một nhà tù DỤC.
- SẮC GIỚI gồm vật sắc: Động vật thể, Khoáng vật thể, Thực vật thể và Phi vật thể là một nhà tù SẮC.
- VÔ SẮC GIỚI thuộc về lãnh vực tư tưởng, tưởng tượng hoang đường: Sùng thượng siêu nhiên. Khiếp sợ tôn thờ những đức, những đấng, những thần, những thánh... kể cả những ma quỷ... mà tự

cổ chí kim vô tiền khoáng hậu loài người không thấy, không gặp, không biết... Đó là một nhà tù VÔ SẮC.

Người được quả vị A La Hán là người ra khỏi nạn xứ TAM GIỚI ấy.

CÔI TA BÀ LÀ GÌ ?

Côi Ta bà là tên của một thế giới đối lập với cõi Cực lạc. Những người theo đạo Phật dù chưa học Phật sâu sắc, mà người ta cũng có thể hiểu biết một cách đơn sơ khái quát rằng: Côi Ta bà là cõi ô uế, cho nên gọi cõi Ta bà là Uế độ. Còn cõi Cực lạc là cõi tịnh, cõi rất an vui, cho nên người ta gọi nó là Tịnh độ. Người ta cũng hiểu và nói rằng: Phật Thích Ca là giáo chủ cõi Ta bà, là giáo chủ của thế giới Uế trước. Còn Phật A Di Đà là giáo chủ của cõi Cực lạc, hay cõi Tịnh độ ở phía mặt trời lặn phương Tây. Sự thật, kinh điển giáo lý của đạo Phật không phải đơn giản như vậy, hiểu như thế là coi như chưa hiểu về đạo Phật.

TA BÀ có nhiều nghĩa: Kham nhẫn, bức bách, bất bình, bất mãn, khổ lụy, bất như ý... Cuộc sống của con người hễ ai thường bị ở trong hoàn cảnh, môi trường phải kham nhẫn, bức bách, bất bình, bất mãn, khổ lụy, bất như ý... thì ở nơi đó, ở chốn đó gọi là cõi Ta bà. Do nghĩa đó cõi Ta bà mà

đức Thích Ca làm giáo chủ không ở phương Đông, phương Nam, phương Bắc hay phương Tây, như cõi Tịnh độ thế giới Cực lạc của Phật A Di Đà làm giáo chủ. Và cũng do nghĩa đó, cõi Ta bà không có biên cương, không có ranh giới, không địa điểm, không xứ sở, không phương hướng như “của” chư Phật khác trong “mười phương”...!

Kinh điển chánh thống Phật dạy cõi Ta bà có là do TÂM VỌNG của con người tạo lập kiến thiết ra. Người đệ tử Phật học Phật pháp phải hết sức để ý về tâm. Tâm với thân là hai mặt đối lập để tồn sinh, để hiện hữu một con người. Nhưng, tâm có tâm chân và tâm vọng. Do tâm VỌNG mà TƯỚNG ra có ba cảnh giới ảo: Một là SẮC GIỚI, hai là VÔ SẮC GIỚI và ba là DỤC GIỚI. Thuật ngữ gọi đó là Tam giới, mà “TAM GIỚI” thì “VÔ AN” như chúng ta đã học.

Vũ trụ, không gian, thời gian duyên khởi hình thành tính và chất gồm có: Địa, thủy, hỏa, phong, không, kiến, thức. Thuật ngữ kinh điển gọi đó là Thất đại. Từ Thất đại duyên khởi hình thành sự vật hiện tượng vạn hữu. Đến thế kỷ 21 này con người đã nhận biết và tóm gọn chia thành bốn thứ vật thể: Khoáng vật thể, Thực vật thể, Động vật thể và Phi vật thể. Nhân loại là một vật thể trong động vật thể, là thứ vật thể cao cấp, là chủ thể nhận thức các vật thể còn lại.

Nguồn giáo lý trác tuyệt thâm thâm của đạo Phật dạy rằng: Hiện tượng vạn pháp biểu hiện thông qua bốn thứ vật thể kể trên, tự tánh của chúng bình đẳng và thanh tịnh ngang

nhau. Cái tự tánh thanh tịnh bình đẳng ngang nhau ấy, kinh điển gọi đó là NHẤT CHÂN PHÁP GIỚI. Nhìn vũ trụ vạn hữu qua cái nhìn Tuệ giác thì tuyệt đãi ly ngôn không còn có một thế giới nào để gọi là một, hai hay ba. Cũng như không có thế giới nào ở phương hướng như Đông, Tây, Nam, Bắc, Thượng và Hạ...

Do nghĩa đó Tam giới chỉ là “thế giới”, là “cảnh giới” là “cõi” do vọng tâm, do ảo tưởng có ra, không có thật chất!

Đức Phật Thích Ca xuất gia tầm đạo, học đạo, hành đạo, chứng đạo đến khi thành tựu viên mãn Tuệ giác của mình, thành bậc Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí, kinh điển gọi là người đạt đến quả VÔ THƯỢNG BỒ ĐỀ, tức là thành Phật.

Phật là người không ở trong Tam giới, là người:

...“Xuất ly Tam giới ngay quê mẹ

Thành đấng Nhân sư tại cõi này”.

TAM GIỚI VÔ AN

Sử dụng nhãn quang bình đẳng mà nhìn thì hoàn cầu thế giới hiện nay trên dưới 8 tỷ người chung sống, ai cũng như ai. Người ta ai cũng tưởng rằng mình và mọi người đang cùng chung hoạt động sinh sống, cùng chung xây dựng cho cõi đời, cho nhân loại trên mặt địa cầu ngày càng đẹp để tốt tươi thịnh vượng, để tô điểm bồi đắp hạnh phúc

cho con người. Ai cũng tưởng rằng mình là con người, mình đang sống với kiếp sống con người ở trên một cõi đời, trên mặt đất và trên lục địa năm châu. Những ai làm nên sự nghiệp, địa vị, công danh mà thân thể cường tráng khỏe mạnh, người ta ai cũng tưởng rằng mình là người danh dự và sung sướng hơn người, là người hạnh phúc trong đời... Tất cả những ý tưởng theo nhận thức trên, nếu nói đó là sai thì người ta không chịu, bảo đó là đúng sự thật không phải vậy...

Sự thật: Cõi đời, thế giới, hoàn cầu, pháp giới, cảnh giới... không phải chỉ có trong những ý tưởng mà con người đã tưởng như thế ấy, rồi thôi!

Người đệ tử Phật xem đọc Kinh Pháp Hoa sẽ thấy Kinh dạy:

... *“Tam giới vô an, du như hoả trạch”*...

Xem và đọc Kinh Hoa Nghiêm, đức Phật dạy:

... *“Nhược nhân dục liễu tri*

Tam thế nhất thiết Phật

Ung quán Pháp giới tánh

Nhất thiết duy tâm tạo”...

Lời Phật dạy ở Kinh Pháp Hoa, cũng như ở Kinh Hoa Nghiêm thì pháp giới, thế giới, cõi đời, hoàn cầu, cảnh giới... không phải là một mà là nhiều, thậm chí rất nhiều... Sở dĩ, con người có khổ, bị khổ, phải chịu nhiều điều khổ là

tại vì con người thường sống ở trong Tam giới (ba cõi). TAM GIỚI VÔ AN có nghĩa là con người không có hạnh phúc, không có an lạc, tại vì con người thường lưu luyến, luôn luôn tin tưởng và miệt mài đam mê sống trong Tam giới.

Tam giới: Một là SẮC GIỚI, hai là VÔ SẮC GIỚI, ba là DỤC GIỚI. Như bài kệ Kinh Hoa Nghiêm đức Phật dạy ở trên: Pháp giới tánh, cảnh giới tánh, thế giới tánh, nhiều và nhiều lắm! Nhưng đều do tâm con người tạo ra tất cả. Do vậy con người ai tạo nhiều cảnh giới thì khổ nhiều, tạo ít thì khổ ít.

TAM GIỚI VÔ AN DU NHƯ HỎA TRẠCH, hễ ai còn ở trong Tam giới, bị vướng vấp trong Tam giới, lưu luyến tin tưởng và đam mê Tam giới thì người đó bị đau khổ, thậm chí cực kỳ đau khổ như đang ở trong ngôi nhà mà ba bên bốn phía lửa rần rần bốc cháy...

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là người Giải thoát và Giác ngộ trên cả tuyệt vời. Nói cách khác, đức Phật Thích Ca có được Vô Thượng Bồ Đề và Vô Thượng Niết Bàn với một lý do chánh đáng, mà không ai có thể bắt bẻ và phủ nhận. Đối với Pháp giới tánh, đức Phật không cần quán một tánh nào. Đối với Pháp giới tướng, đức Phật cũng không cần trụ một tướng nào. Đối với Tam giới, đức Thích Ca là Thầy của những người ở trong Tam giới, vì đức Phật là người vượt ra tánh, tướng của Tam giới, là người đã ra khỏi Tam giới.

Lộ trình của đức Phật Thích Ca, từ khi ra đi tầm đạo, học đạo, hành đạo, chứng đạo rồi truyền đạo ngót năm mươi năm... Cho đến lúc viên tịch, trước sau như một, đức Phật chỉ là một Khất sĩ. Và, khi từ biệt cõi đời để lại cho hàng đệ tử thân thương của mình một bảo vật cuối cùng là TAM PHÁP ẤN: VÔ TÁC, VÔ TƯỚNG và VÔ NGUYỆN. Giả sử ai đó có thiện ý hay ác ý muốn truy cứu kiểm tra sự nghiệp, địa vị, quyền, uy, thế lực... thì cuộc đời của Phật Thích Ca cũng chỉ có vậy mà thôi!

SẮC GIỚI LÀ GÌ ?

SẮC, có hai loại: Hình sắc và hiển sắc. Nghĩa chính của sắc là vật thể, là sắc chất, là những thứ thấy được, nghe được, ngửi được, nếm được, chạm xúc được và nhận thức được. Theo nghĩa thông thường, thế giới vật chất mà con người đang hoạt động sinh sống và hiện thọ dụng trên cõi đời, đạo Phật gọi đó là cõi Sắc.

Nói về hình sắc thì tất cả những gì có hình dáng, có kích thước, có lớn nhỏ, ngắn dài, nặng nhẹ... như núi sông, rừng rậm, cỏ cây, hoa lá, trời mây, trăng sao... đều thuộc về hình sắc.

Hiển sắc thì gồm có tất cả các thứ màu mà người ta có thể thấy và phân biệt được, như: Xanh, vàng, đỏ, trắng, đen... Nói một cách tổng quát, tất cả những vật thể có mặt

trong vũ trụ, trên mặt địa cầu mà loài người thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc, biết và đang thọ dụng... Thế giới đó, cõi đó kinh điển gọi là cõi Sắc.

Đứng bên mặt Tuệ giác của người sống bằng Tuệ giác, nhìn cõi đời bằng Tuệ nhãn, thì Sắc giới hay cõi Sắc không có vấn đề được đặt ra như AN hay VÔ AN. Kinh Pháp Hoa Phật dạy: TAM GIỚI VÔ AN DU NHƯ HỎA TRẠCH là nhằm thức tỉnh, dạy bảo cho mọi người nên cảnh giác cái TÂM của mình.

Thế giới vật sắc, người trí giác ngộ chân lý nhận thức rõ bản chất của sự vật hiện tượng không có thật chất, không ai có thể tìm ra cái bản chất đầu tiên của sự vật hiện tượng là gì? Giáo lý của đạo Phật gọi cái mà người thường nhìn qua nhục nhãn, người ta gọi đó là “bản chất” của sự vật. Sự thật, sự vật tự nó không hề có bản chất của tự nó. Kinh điển Phật gọi đó là sự vật do duyên sinh, do nhiều điều kiện tương quan tương tác mà sinh, nó trùng trùng duyên khởi! Do trùng trùng duyên khởi, cho nên vạn pháp không có thật pháp! Tánh của vạn pháp là không, không có gì!

“Các pháp do duyên sanh

Như Lai gọi là KHÔNG

Rằng nó chỉ giả danh

Đó là nghĩa “trung đạo”

Chưa từng có pháp nào

Không từ nhân duyên sanh

Thế nên tất cả pháp

Tự tánh chúng là KHÔNG

眾因緣生法.我說即是空.亦為是假名.亦是中道義.未曾有一法.不從因緣生.是故一切法.無不是空者

Bài kệ ấy ở Trung Luận, tác giả Long Thọ là một đệ tử đã hiểu được Phật.

Tất cả pháp hình sắc hay hiển sắc... Động vật thể, Thực vật thể, Khoáng vật thể hay Phi vật thể “có mặt” trên cõi đời đều là giả hợp, là duyên sinh không thật nghĩa và cũng không thật chất. Vậy mà, với nhục nhãn bình thường của mọi con người đều cho vật sắc, cảnh giới vật chất là thật. Thế cho nên là con người, tất cả mọi người đều đam mê, lưu luyến, quý trọng vật sắc trên cõi đời. Do vậy người ta đưa ra chủ thuyết “Sinh tồn cạnh tranh”. Tai họa của chủ thuyết Sinh tồn cạnh tranh, thiết tưởng tất cả mọi người không ai là không trải qua sự khổ lụy ấy. Đó là nỗi khổ do đam mê Sắc giới. SẮC GIỚI VÔ AN là vậy!

*

* *

VÔ SẮC GIỚI LÀ GÌ ?

Vô sắc giới là cảnh giới đối lập, trái ngược với cõi Sắc. Cõi Sắc là cõi chứa đựng tất cả những thứ “Vật thể có chất”. Cõi vô sắc là cõi chứa đựng những thứ “Phi vật thể”, là những thứ có danh, có tác dụng mà không có thực chất. Phi vật thể có 4 thứ: Một, KHÔNG VÔ BIÊN. Hai, THỨC VÔ BIÊN. Ba, PHI TƯỚNG PHI PHI TƯỚNG VÔ BIÊN. Bốn, VÔ SỞ HỮU VÔ BIÊN. Vì bốn thứ vô biên ấy chúng không có thực chất, cho nên cõi Vô Sắc cũng còn gọi là Tứ Vô Sắc hay là Tứ Không.

Kinh sách Phật đã trải qua nhiều thời gian, cho nên bị nhuộm nhiều màu sắc, bị thoái hóa biến chất. Người ta cho rằng “Tứ không” hay “Tứ vô sắc” là tên gọi bốn tầng Trời. Họ đã từng viết thành kinh sách lưu truyền dài dài cho hậu thế: Không vô biên xứ THIÊN, Thức vô biên xứ THIÊN, Phi tướng phi phi tướng xứ THIÊN, Vô sở hữu xứ THIÊN. Họ cho bốn cảnh giới ấy là bốn loại NGƯỜI TRỜI, rõ là một thứ hiểu biết dưới mức tầm thường của những người có hiểu biết! Đã là KHÔNG, đã là VÔ SẮC, thì sao là “Trời” được? Sự hiểu biết sai lầm non kém thấp thoáng ấy, dù do si mê mà tự đặt để rồi nói bướng nói càn, hay do cố ý phát khởi từ chủng tánh tà kiến ngoại đạo, thì nó cũng di hại cho những người đệ tử Phật hậu thế ngang nhau. Những hạt giống tà kiến đó phát

xuất từ 28 cõi Trời trong Tam giới, đã mở đường dẫn lối và quảng cáo những “Ông Trời”, “Bà Trời” hoang tưởng đến cho hàng đệ tử Phật đã tự lâu lắm rồi! Tư tưởng Đa thần giáo có lẽ khởi thi từ những ông Trời, bà Trời hoang tưởng ấy tiếp nối và di truyền...

Tuy nhiên người trí, nhất là hàng đệ tử Phật hiểu rất rõ rằng: Không có cái không nào tuyệt đối không. Không có cái có nào tuyệt đối có. Có sanh không, không sanh có. Trong có có không, trong không có có. Đó là chân lý Nhân duyên, sự vật hiện tượng tương quan, tương duyên, tương tác mà hình thành. Sự tương quan ấy không thể tìm được cái mỗi khởi thi ban đầu. Thuật ngữ trong Kinh Phật gọi là “nhân duyên trùng trùng vô tận, vô thi vô chung”. Thế nên trong Tứ Không có: Thể của không, thể của thức, thể của tướng và thể của vô sở hữu. Đó là những thứ thể Phi vật, dù là Phi vật nhưng vẫn có. THỨC UẨN, THỌ UẨN, TƯỚNG UẨN là ba thứ thể Phi vật từ Vô sắc giới, tác dụng với SẮC UẨN, HÀNH UẨN ở Sắc giới mà hình thành một chỉnh thể Ngũ uẩn thân của một con người. Ngũ uẩn thân là một hợp thể giữa tâm và vật.

Y cứ theo quá trình Tam tuệ VẤN TƯ TU, hàng đệ tử Phật nên tự cảnh tỉnh với lòng mình rằng: Phật Thích Ca là một con người, là thầy thuốc trị bệnh khổ cho con người (Vô Thượng Y Vương). Trọn đời đức Phật dạy cho con người cách thức ngừa khổ và diệt khổ, bằng cách tự mình cải tạo và tự mình xây dựng cái nhân an lạc ly khổ cho mình. Đức Phật

không chủ trương cầu nguyện van xin, khẩn khứa với những thứ siêu hình mà loài người từ xưa tới nay không ai thấy, không ai gặp, không ai biết!...

DỤC GIỚI LÀ GÌ ?

Dục giới là cõi Dục, là thế giới dục vọng do si mê, do tham vọng của con người “đa dục” mà có. Cõi Dục vốn là cõi ảo ảnh, từ con người đa dục mà kết thành đau khổ và nguyên nhân đau khổ. Do vậy cõi Dục không ở xứ nào, cõi nào, nước nào hay bất cứ một điểm nào trong vũ trụ. Dục vọng là do con người, con người đa dục ở đâu thì ở đó là Dục giới, là cõi Dục, là thế giới cõi Dục!

Sản phẩm đối tượng khiến cho con người khởi tâm vọng sanh tưởng ảo, cấu kết thành thế giới dục vọng, hay cõi Dục gồm sáu tính chất: SẮC, THANH, HƯƠNG, VỊ, XÚC, PHÁP.

Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp tự tánh của sáu cảnh ấy vốn thanh tịnh bản nhiên như tự tánh thanh tịnh bản nhiên của hiện tượng vạn pháp, chúng không hề có nhiễm ô, không hề là nguyên nhân đau khổ cho ai. Vậy mà do tâm vọng và tưởng ảo của con người, khiến cho chúng trở thành sáu cảnh trần (Lục trần), thành đối tượng đau khổ của kiếp con người!

Chủ thể nhận thức là 6 căn: Nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, ý căn; Và tác dụng phân biệt của 6 căn là 6 thức: Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Sáu căn, sáu thức, tự tánh của chúng chẳng tội lỗi gì. Tội lỗi là khi con người bị sự chi phối tác động bởi vô minh, khiến cho con người không còn làm chủ được thân tâm mình, thì 6 căn, 6 cảnh, 6 thức kết hợp đan dệt khiến cho cõi đời trở thành thế giới dục vọng, gọi là DỤC GIỚI.

Những vấn đề “Thế giới”, “Tiểu thế giới”, “Tiểu thiên thế giới”, “Trung thiên thế giới”, “Đại thiên thế giới”, “Tam thiên đại thiên thế giới”... là những cụm từ biểu đạt các khoảng không gian rộng lớn, mà không thể đo lường vì không thể thấy biết. Những thế giới ấy chỉ là sản phẩm của những hạng ngu si vô trí tưởng tượng ra, rồi lừa bịp dẫn dụ con người đi lạc vào rừng tà kiến hoang đường. Họ gán cho Phật Thích Ca là giáo chủ cõi Tam thiên đại thiên, mà cái bề rộng của thế giới Tam thiên đại thiên ấy gấp ngàn ngàn tỷ quả Địa cầu mà nhân loại đang sinh sống, và nếu đem chia nhỏ ra thì năm châu bốn biển chỉ là một hạt bụi trong vũ trụ này. Một ý tưởng siêu hình không thể nào chấp nhận được! Là người trí, cần phải dụng trí mà cảnh giác cao, hãy vận dụng Văn Tư Tu mà quán sát, tư duy và loại bỏ những tà kiến huyền hoặc... Nếu là đệ tử Phật thiệt, phải biết rõ rằng đức Bốn Sư, vị giáo chủ khai sáng ra đạo Phật là một con người, một Giác giả có đủ ba đức tự giác, giác tha và giác hạnh viên

mãn... Phật không phải là một đấng siêu nhiên có thần thông biến hóa trong cõi Tam thiên đại thiên thế giới nào đó!

Như Huyền Thiên Sư Thi tập có kệ rằng:

“Dục giới do tâm tại cõi này

Tài tham sắc nhiễm lợi danh mê

Ngày đêm dục vọng không ngưng nghĩ

Cõi Dục không ranh chẳng bến bờ”.

GIÃ TỪ TAM GIỚI !

Hàng đệ tử Phật mặc nhiên tự thống nhất ý chí từ xa xưa rằng: Phật Thích Ca Mâu Ni là giáo chủ cõi Ta bà. Như chúng ta đã biết Ta bà tức là Tam giới, Tam giới là Ta bà. Và, Lục đạo hay Lục thú đó cũng là cách nói khác đi của Tam giới, của Ta bà mà thôi. Đức Phật Thích Ca, giáo chủ cõi Ta bà là bậc Thầy của tất cả những ai ở trong Tam giới, sống và sinh hoạt theo hoàn cảnh, môi trường của Tam giới.

Muốn kéo một chiếc thuyền bị chìm đắm để cứu cho nhiều người, người kéo phải là người ngoài chiếc thuyền. Muốn di chuyển vắn một cái lu, đương nhiên người vắn phải ngoài lu. Bậc Thầy của Tam giới, giáo chủ của Tam giới thì đương nhiên đức Phật Thích Ca Mâu Ni là bậc giã từ Tam giới, ra ngoài Tam giới.

Trong tập thơ “Ngón tay chỉ trăng 4”, qua cái nhan đề của bài Khỏi lam chiều, Như Huyền Thiền Sư có kệ rằng:

*“Nhìn khỏi lam chiều nhớ nhớ ai
Nhớ người nhớ cảnh nhớ Như Lai
Xuất ly Tam giới ngay quê mẹ
Thành đấng Nhân sư tại cõi này.
Rõ ràng Phật Tổ chẳng đâu xa
Phật người, người Phật bởi tâm ta
Chớ cầu khỏi khẩn đừng xin xỏ
Giác Phật mê phàm, có vậy thôi”...*

Trong kinh sách Phật, hoàng thái tử xuất gia tầm đạo, học đạo, hành đạo trên dưới 10 năm. Cho đến ngày chứng đạo thành Phật, suốt lộ trình ấy để dạy cho hàng đệ tử mình, đức Phật đúc kết những tinh hoa cô đọng được coi như một quy trình sư phạm và giáo dục vững chãi, một định hướng chỉ nam tuyệt diệu, trở thành chân lý bất di bất dịch cho con đường Giải thoát Giác ngộ. Đó là VẤN, TU, TU Tam tuệ học và GIỚI, ĐỊNH, TUỆ Tam vô lậu học.

Trên bước đường thực hiện giác tha, giáo lý TỬ DIỆU ĐỂ đức Phật mở màn cho chương trình giáo đạo của mình. KHỔ ĐỂ, TẬP ĐỂ, DIỆT ĐỂ, ĐẠO ĐỂ đức Phật chỉ dẫn và nhắc nhở ba cách trong ba lần. Thời thuyết pháp đầu tiên đức Phật độ cho năm bạn cố nhân, thời pháp ấy gọi là TAM CHUYỂN PHÁP LUÂN THẬP NHỊ HẠNH. Năm

bạn cố tri của đức Phật tiếp nhận chân thành và thực hiện phương châm Văn Tư Tu theo một quá trình tương tục. Sau đó các vị đắc quả A La Hán trở thành những viên ngọc quý hàng Tăng bảo đầu tiên trong đạo Phật.

Đức Phật là người già từ Tam giới, xuất ly Tam giới, là bậc Thầy của người trời. Lộ trình mà đức Phật đi qua không rời, không lệch hướng Văn Tư Tu, Giới Định Tuệ, mà nội dung của nó chứa đựng đầy đủ trong nguồn GIÁO LÝ TỨ DIỆU ĐẾ, Sơ chuyển pháp luân của đức Phật.

TRỜI TRONG TAM GIỚI

Dựa trên cơ sở VĂN TƯ TU Tam Tuệ học trong nền giáo lý Phật thì 6 cõi Trời Dục... 18 cõi Trời Sắc... 4 cõi Trời Vô sắc không có cơ sở để cho người trí tin cậy. Vị trí cõi Trời đặt ra có tầng thấp, tầng cao là phi chân lý. Tuổi thọ của Trời tùy theo tầng có trường thọ, đoản thọ theo định mức khác nhau là phi chân lý. Cõi Vô Sắc mà có “người Trời” là phi chân lý.

Trời Tứ Thiên Vương trụ ở đất trên đỉnh núi Tu Di là phi chân lý. Các cõi Trời khác trụ ở mây cũng là phi chân lý. Trời Vô sắc trụ trong hư không lại là một tưởng tượng càng phi chân lý.

Cái từ “chư Thiên” trong đạo Phật là của kinh sách “ngụy tạo” nào đó. Đạo Phật thiệt, kinh Phật thiệt, người tu

theo đạo Phật thiết không chấp nhận thành phần người, gọi là “người chư Thiên” như vậy.

Khổng Tử, sanh sau Phật mấy trăm năm ở Trung Hoa vào thời Xuân Thu, được đa số người tôn trọng là Thánh. Nhằm bảo vệ uy tín, bảo vệ tri kiến, tri thức của mình, ông còn không nói càn, nói bướng về lĩnh vực siêu hình có Trời hay không có, ở xa hay ở gần, ở cao hay ở thấp, mà Khổng Tử nói: “Thiên thính tịch vô âm. Thương thương hà xứ tầm. Phi cao diệc phi diễn. Đô chỉ tại nhân tâm”, có nghĩa là: Trời lấy lỗ tai mà nghe, không có gì để nghe. Trời lấy con mắt mà ngó, không có gì để thấy. Chỉ thấy màu xanh xanh thăm thăm, mà không ai tìm được! Ông nói tiếp: Theo ông, Trời không ở cao, trời cũng không ở xa, mà ở chính trong tâm con người! Vì uy tín, danh dự mình, Khổng Tử còn dè dặt như thế!

Còn Trời của Như Huyền Thiên Sư thì:

“Thập thiện nơi nao ở đấy trời”

Thơ rằng:

Trông khói bình minh ngõ sập trời!

Khói mây, mây khói giống in nhau!

Mây cao khói thấp: Trời... vô xứ!

Thập thiện nơi nao ở đấy Trời!

Ai là người đệ tử Phật, hãy tu Thiên, hãy suy gẫm bằng lý trí, dựa trên cơ sở VĂN TU TU của Thầy mình!

ĐỊA NGỤC ?

Lấy VĂN TỰ TU làm phương châm chỉ nam thì thuật ngữ “Địa ngục” trong đạo Phật qua nhiều kinh sách xưa nay cần nghiêm túc suy gẫm, xem xét lại. Nếu không, đức Phật Thích Ca bị vu oan những điều mà Phật không hề nói.

ĐỊA NGỤC theo lối giáo dưỡng, đào tạo của những người mệnh danh đệ tử Phật, mà không thực nghĩa đệ tử Phật, họ truyền dạy rằng:

Dưới đáy núi Thiết Vi có vô số địa ngục hàn băng có tên như là A tra tra, Ấu hầu hầu, A ba ba, A khơ khơ... để trấn áp đông lạnh hành hạ con người...

Dưới cõi Nam Diêm Phù Đề có vô số địa ngục hỏa diệm để thiêu đốt, nung cháy hình phạt con người...

Ngoài ra, trên mặt đất dân gian, ở những nơi như đồng hoang, hang núi, mé suối, chân rừng... đều có nhiều địa ngục để hình phạt, để trừng trị... con người.

Lý thuyết đào tạo giáo dưỡng trên, những người trí thức, người có kiến thức về khoa học thực nghiệm, có kiến thức về triết học biện chứng, có kiến thức về khoa học nhân văn và nhất là những người tu sĩ đệ tử Phật có học Phật thiệt, họ không nghe nổi và không bao giờ chấp nhận, bởi lẽ đơn giản: Lý thuyết đó do người giàu tưởng tượng mà ra. Nói

theo Kinh tế học, đó là sản phẩm của thành phần người kinh doanh... thần thánh... siêu hình.

Thuật ngữ ĐỊA NGỤC của đạo Phật, đức Phật nói ra nhằm phục vụ cho con người, cho xã hội con người đang sinh sống. Địa ngục có 6 nghĩa:

1. Bất lạc: Con người mà cuộc sống không hề có chút vui... là người địa ngục.
2. Khả yếm: Con người sống trong môi trường, hoàn cảnh toàn là bất bình, bất mãn, chán nản, thù hằn... là người địa ngục.
3. Khổ khí: Người sống trong môi trường, hoàn cảnh, việc làm, lời nói, ý nghĩ không hề có tự do. Thân khẩu ý luôn luôn chịu một sức ép nặng nề, là người địa ngục.
4. Khổ cụ: Bị ở, phải chịu, không tránh được những sự hình phạt, hành hạ khổ đau... là người địa ngục.
5. Hữu: Những người đam mê ngã và ngã sở hữu, muốn bảo thủ giữ gìn kiên cố, luôn luôn sợ hư hoại và rất sợ mất mát... là người địa ngục.
6. Vô: Những người sống xa rời thật tế, không bằng lòng những gì đang có, tư tưởng luôn luôn hướng về ước muốn cái không... ước muốn cái

chưa đến... sợ cái có... là người địa ngục.

Bất lạc, khả yếm, khổ khí, khổ cụ, hữu, vô là biểu hiện tướng địa ngục ngay trong cuộc sống của con người. Lúc vướng vào, lúc ra khỏi, khi có, khi không, thì gọi đó là “Hữu gián địa ngục”. Nếu sáu tướng ấy có thường xuyên liên tục không gián đoạn thì gọi đó là “Vô gián địa ngục”. Người thân tâm hoàn toàn thanh tịnh, trong sạch không vướng mắc vào sáu tướng ấy thì tìm địa ngục bất cứ ở đâu đều không có. NHẤT THIẾT DUY TÂM TẠO là vậy.

Hoang đường, ảo tưởng, siêu hình, phi chân lý là những điều không có trong đạo Phật. Là Phật tử nên tu học!

Lại có thơ rằng:

Địa ngục không ngoài mặt đất ra!

Thập thiện, Thập sử ở tâm ta

Lục thô, Tam tế, vô minh... ấy!

Thiết lập Diêm vương... các... quỉ... ma!

DIỆT - ĐẠO ?

DIỆT, ĐẠO nói rõ: DIỆT ĐỂ, ĐẠO ĐỂ là hai đối tượng thiện nhân quả xuất thế gian. Diệt để là quả chứng, tức là quả Giải thoát Niết bàn. Người chứng quả Niết bàn là người nói “Không” đối với tất cả hiện tượng vạn pháp. Theo giáo lý nhà Phật, chỉ có Phật là người nói không với vạn

pháp. Đạo đế là nhân tu. Ba mươi bảy đối tượng thiền là phương tiện nhân tu, đủ sức chuyên chở Thiền giả đến quả Phật, được đức Phật nêu rõ dạy rành trong Đạo đế.

Tu tập nguồn giáo lý TỨ DIỆU ĐẾ là phương pháp THIỀN, QUÁN song tu; nghĩa là trong “Thiền” có Quán, trong “Quán” có Thiền. Dưới đây là 37 đối tượng thiền quán phương tiện, gồm trong 7 nhóm như sau:

1. TỨ NIỆM XỨ: Quán thân “bất tịnh”. Quán thọ “thị khố”. Quán tâm “vô thường”. Quán pháp “vô ngã”.

2. TỨ CHÁNH CẦN: Việc thiện đã sanh, cần tinh tấn làm thiện. Việc thiện chưa sanh, cần tích cực làm thiện. Việc ác đã sanh, cần dứt bỏ loại trừ. Việc ác chưa sanh, cần tránh xa.

3. TỨ NHƯ Ý TÚC: Dục. Tinh tấn. Hỷ. Nhất tâm.

4. NGŨ CĂN: Tín. Tấn. Niệm. Định. Tuệ.

5. NGŨ LỰC: Cũng là 5 đối tượng Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ nhưng phát triển cao lên tầm cao hơn.

6. THẤT BỒ ĐỀ PHẦN: Trạch pháp. Tinh tấn. Hỷ. Khinh an. Niệm. Định. Xả.

7. BÁT CHÁNH ĐẠO: Chánh kiến. Chánh tư duy. Chánh ngữ. Chánh nghiệp. Chánh mệnh. Chánh tinh tấn. Chánh niệm. Chánh định.

Hàng đệ tử Phật xuất gia cũng như tại gia, nếu không phải là những kẻ tham vọng điên cuồng, mù quáng mất hết lý

trí, mà là những người thực tu sáng suốt, thiết tưởng không ai cần chế biến, đặt để thêm kiểu cách hay tôn phái khác thêm nữa để làm gì.

Học Thiền, hành Thiền theo ĐẠO ĐẾ đủ có NIẾT BÀN, có QUẢ PHẬT rồi!

KHỔ - TẬP ?

KHỔ, TẬP nói rõ: KHỔ ĐỂ, TẬP ĐỂ là hai đối tượng thiền nhân quả thế gian. Khổ để là quả khổ thế gian, Tập để là nhân khổ thế gian. Khổ nhân và khổ quả là vấn đề lớn, trọng đại nhất, đáng ưu tư, đáng sợ nhất của kiếp con người. Người sanh trong cõi đời không tự chủ được thân tâm của mình, để cho “vô minh” tác động sai sử hoành hành. Khi vô minh làm chủ thì con người thật, thân tâm thật, tự tánh vốn thanh tịnh bản nhiên của con người bị thoái hóa, biến chất và mất hết.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni vốn là một con người như bao nhiêu con người khác mà chúng ta đã biết. Sau những năm tháng xuất gia “... tầm sư phỏng đạo vị tham thiền”... Một ngày trăng tròn nọ, sao Mai vừa tỏa sáng, cựa hoàng thái tử hoát nhiên đại ngộ, Tâm Ý Thức của Người rạng rỡ sáng hơn sao trời. Mọi nguyên nhân và mọi khổ quả của cuộc đời, của sự vật hiện tượng, Thích Ca Mâu Ni bừng tỏ ngộ từ đây.

Dựa trên cái kết quả tột đỉnh cao của trí tuệ, gọi đó là quả Vô Thượng Bồ Đề và người ta gọi Người là Phật cũng từ đây.

Dưới nhãn quang của Phật, sự vật hiện tượng nói chung, Khoáng vật thể, Động vật thể, Thực vật thể, Phi vật thể nói riêng, tất cả đều vỡ tung và tan biến như con virus, như hạt vi trần dưới kính hiển vi của một bác sĩ vi trùng học. Phân tích và giảng dạy về khổ nhân và khổ quả của cuộc đời, đối với đức Phật chẳng có gì khó khăn, chẳng có gì cần suy nghĩ.

KHỔ ĐỂ, nỗi khổ của cuộc đời thì nhiều lắm, không có ngôn từ và con số nào để cân đo đong đếm cho hết được, nhưng đức Phật đã tổng kết thành 11 nhóm như sau: 1. SANH, 2. LÃO, 3. BỆNH, 4. TỬ, 5. ÁI BIỆT LY, 6. OÁN TẮNG HỘI, 7. CẦU BẤT ĐẮC, 8. NGŨ ẤM XÍ THẠNH; và đúc kết thành ba khổ tổng quát KHỔ KHỔ, HÀNH KHỔ, HOẠI KHỔ của kiếp nhân sinh và cả vũ trụ!

TẬP ĐỂ, nỗi khổ của cuộc đời đã nhiều, tất nhiên nguyên nhân của khổ cũng nhiều như vậy. Lời Phật dạy: Kiếp nhân sinh “Vô ngã, vô nhân tợ hồ không hoa”. Cho nên pháp Hữu vi không sao tìm ra đầu mối được. Nhưng lấy huyền trí tư duy huyền không và quan sát huyền cảnh mà nhận thức, thì vô minh là tên chủ ngục độc ác xấu xa hãm hại kiếp nhân sinh của loài người. Quá trình phát triển khổ nhân bắt đầu từ:

I. TAM TẾ:

1. Vô minh nghiệp tướng.
2. Năng kiến tướng.
3. Cảnh giới tướng.

II. LỤC THÔ:

1. Trí tướng
2. Tương tục tướng
3. Chấp thủ tướng
4. Kế danh tự tướng
5. Khởi nghiệp tướng
6. Nghiệp hệ khổ tướng.

III. TƯ HOẶC: Tham. Sân. Si. Mạn. Nghi.

IV. KIẾN HOẶC: Thân kiến. Biên kiến. Tà kiến.
Kiến thủ kiến. Giới cầm thủ kiến.

V. TRẦN SA HOẶC: Phẫn. Hận. Phú. Nảo. Tật. Xan.
Cuống. Siểm. Hại. Kiêu. Vô tầm. Vô quý. Điều cử. Hôn
trầm. Bất tín. Giải đãi. Phóng dật. Thất niệm. Tán loạn. Bất
chánh tri... Hối. Miên. Tầm. Từ...

Giáo lý TỨ ĐẾ, đức Phật chỉ ra chân lý vô tiền
khoảng hậu, một chân lý nhìn kết quả mà biết rõ nguyên
nhân, nhìn nguyên nhân mà hiểu rành kết quả. Đó là nguồn
giáo lý Nhân quả chân lý của vũ trụ, đức Phật đem ra khai thị
trước tiên khi bắt đầu hạnh lợi tha của mình. Nếu là người trí,
là đệ tử Phật thiết, đệ tử Phật chân chính, không ai dám nói,
không ai dám nghĩ đây là giáo lý của... TIỂU THỪA, để rồi

dám đặt ra một thứ... THỪA nào khác, nhất là thứ thừa đó có lẫn lộn nhiều thứ... tà kiến... lai căn... mất gốc...!

THỪA? TRÁCH NHIỆM VỀ AI ?

THẶNG hay THỪA, Hán tự cùng một chữ. “Thặng” có nghĩa là cỗ xe, nhưng do thói quen đọc “Thừa” mà cũng hiểu là cỗ xe. Đề cập “Thừa” đối với nền giáo lý Phật là điều không đơn giản chút nào, thậm chí còn là vấn đề lớn, rất lớn cũng nên! Bởi vì, đứng bên mặt “chân như môn” mà nhìn, mà hiểu, thì kinh điển giáo lý của đạo Phật không cần đặt vấn đề thừa, giáo, tôn, phái...!

Nền giáo lý Phật bị phân biệt, chia chẻ, rồi áp đặt thành ba thừa: Đại thừa, Trung thừa và Tiểu thừa. Người ta cho rằng hệ giáo lý TỨ DIỆU ĐẾ, A HÀM là Tiểu thừa, còn những kinh điển khác được dịch từ tiếng Sanskrit sang Hán Văn được liệt vào kinh điển thuộc tư tưởng Đại thừa và Trung thừa. Hãy nên cảnh giác, chính chắn xem xét lại vấn đề này!

Nhìn vào lịch sử Phật giáo Trung Quốc từ khi du nhập cho đến thế kỷ 21 này, mà đề cập để tìm hiểu vấn đề thừa, giáo, tôn, phái... để so sánh, đánh giá chánh tà chơn ngụy... Việc làm này chẳng khác người tiều phu dám đơn thân vào rừng làm cái chuyện “bức mây”...

Sau Phật nhập diệt hơn trăm năm, lúc này giáo đoàn đệ tử Phật chia thành hai bộ phái Đại Chúng Bộ và Thượng Tọa Bộ. Thượng Tọa Bộ chủ trương giữ gìn truyền thống kinh điển cổ truyền từ kim khẩu Phật nói ra. Đại Chúng Bộ thì chủ trương phóng khoáng và phát triển mở rộng. Cho nên, cao hiệu ĐẠI THỪA hẳn là Đại Chúng Bộ đặt ra, có điều là người đề xuất cái từ ấy thì chưa thấy sách sử nào nêu đích danh.

Nhìn lướt qua Đại tạng kinh Đại thừa Phật giáo Trung Quốc, người ta thấy có những kinh điển có chữ Đại thừa như sau: Đại Thừa Vô Lượng Nghĩa Kinh. Đại Thừa Trang Nghiêm Kinh Luận. Đại Thừa Bách Pháp Minh Môn Luận. Đại Thừa Pháp Uyển Nghĩa Lâm... Đại Thừa Khởi Tín Luận... Nói chung, tất cả kinh điển được dịch, hoặc sáng tác, hoặc sớ giải trong “Đại thừa tạng” của Phật giáo Trung Quốc, nhiều lắm và nhiều lắm!

Riêng bộ kinh Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa, đề và nội dung kinh, do cố gì tự chống trái việc làm của mình mà lẽ ra người dịch là Tam Tạng Pháp sư Cưu Ma La Thập và những bậc kỳ cựu đa văn trong Đại Chúng Bộ phải biết? Trong nội dung kinh Phật dạy: “Các pháp từ xưa nay, tánh tướng thường vắng lặng... Phật tử hành đạo rồi, ai cũng được thành Phật”. Lời dạy đó nói lên chân lý Tánh Tướng của vạn pháp đều bình đẳng tịch diệt ly ngôn. Và Phật cũng đã dạy: “Trên đường học đạo, hành đạo, chứng đạo chỉ có một Phật

thừa, không có Đại thừa, Tiểu thừa hay Trung thừa gì cả”. Đó là những lời Phật dạy bằng ngôn ngữ rồi ghi lại bằng văn tự ở văn kinh.

Lời kinh ý Phật rằng, hễ ai tu đều được thành Phật hết, không cần đặt Đại thừa, Tiểu thừa... gì ráo! Vậy vấn đề tự giáo tương vi ấy, trách nhiệm về ai?

Thơ của Như Huyền Thiền Sư có đoạn viết:

“...Nói gì? Nói với ai đây?

Thôi thì, mình viết mình chơi với mình!

Mặc ai xem đỏ, xem đen

Xem hồng, xem lục tùy mang kính màu

Viết chi? Viết để làm gì?

Không gian ai nghĩ? Thời gian ai màng?

Tôi ta là cái... chi... chi...?”

TRĂM SÔNG CHẢY VỀ BIỂN

CẦN PHẢI HỌC

Trăm sông chảy về biển, đó là lời của người thật nói việc thật. Trăm sông chỉ là ngôn từ lượt ước của một miền, một vùng. Sự thật dù bao nhiêu sông hay hết thủy sông trong một quốc gia hay trên toàn thế giới, tất cả nước sông đều chảy về biển. Nước, nếu là nước thật, nước với ký hiệu H₂O thì dù là nước khe, nước lạch, nước suối hay nước sông,

nhưng khi nước của tất cả sông chảy về biển, hội nhập hòa tan vào nước biển thì chỉ còn thuần một vị, đó là vị mặn.

Kinh điển Phật dạy “Vô lượng pháp môn tu”, rõ ràng là vậy. Vì vạn pháp vô biên thì pháp môn tu vô lượng là sự thật tất nhiên, nhưng tất cả pháp môn tu phải cùng có một tánh cách, một nguyên nhân tạo thành cái quả An lạc. Bởi vì, an lạc là bước đầu để đi đến Giải thoát và Giải thoát tri kiến. Phật là Giác giả, là người Giải thoát, Giải thoát tri kiến một cách trọn vẹn.

Đích đến cuối cùng của nước trăm sông là biển. Đích đến cuối cùng của vô lượng pháp môn tu là Giải thoát, Giải thoát tri kiến, tức là thành Phật.

Nước trăm sông chảy về biển, nếu là người đệ tử Phật có thực tu, thực học, thực nghiệm, thực chứng, người ta sẽ không bảo thủ ôm đồm mà khoa trương, khoe khoang để nói lên sự nông nổi cạn cợt của mình, rằng vùng nước biển này là nước của suối của khe kia... vùng nước biển kia là nước của sông của lạch nọ... Vô lượng pháp môn tu, nếu ai đó bảo thủ ôm đồm cái tự ngã và ngã sở hữu của mình, cho rằng đây là pháp môn tu của tôn ta, kia là pháp môn tu của phái họ... đây là Tịnh, đó là Thiền... Thử lưu ý cái đề tài TRĂM SÔNG CHẢY VỀ BIỂN xem có giúp ích được gì cho việc gột rửa tẩy trừ cái bản ngã ít nhiều chăng?

Nếu là pháp môn tu chân chính, là chánh pháp, là chánh nhân của giải thoát giác ngộ... Tất cả cùng đưa đến

Giải thoát, Giải thoát tri kiến, quả Bồ Đề Vô Thượng thì những người đệ tử Phật cùng chung xiển dương chánh pháp, tục diễm truyền đăng, chung nhau hòa hợp như nước với sữa thì còn đặt ra tôn này phái nọ để làm gì?

Nếu chúng ta không khéo, mỗi người bảo thủ riêng, ôm đồm riêng, mỗi người phát triển một thương hiệu, một tôn, một hệ, một phái riêng bằng cách ồ ạt cạnh tranh cái hay, cái giỏi, cái chứng đắc... thì hãy coi chừng, nó trở thành thứ ĐẠI THỪA PHÁT TRIỂN ĐẠO PHÁP DA BEO ngoài tầm kiểm soát của đạo pháp chúng ta...

LỜI CUỐI SÁCH

Hồi ký NHỚ ÔN THẦY, dâng hết thâm tâm, gởi trọn lòng thành kính của đời tôi lên đức Thích Ca Mâu Ni Phật Bốn Sư mình. Từ khi được học Phật, tu hành theo đạo Phật, gọi là “Phụng sự đạo pháp” tôi có góp phần như những bằng hữu, những pháp lữ của tôi với khoảng thời gian, không gian đáng kể trong suốt khoảng đời mình.

Có thể nói: Hàng mấy chục năm, tôi tư duy canh cánh trong lòng, rằng: Học như vậy... tu như vậy... để được gì? Để lấy gì? ... Thật tế, trước mắt thấy, tai nghe thì... đâu như đó... đây như kia... người theo đạo Phật thì không ít, mà nhận “gia bảo” Từ Phụ cho, dường như chẳng mấy ai muốn nhận! Bởi lẽ BÁT NHÃ BA LA MẬT là thứ TRÍ TUỆ,

người phải có trình độ “Trí” mới thọ dụng được, bằng không “nghe không phùng” mà còn nổi giận là khác!

BÁT NHÃ BA LA MẬT qua nguồn tư tưởng “Phi, Vô, Bất” là nguồn tư tưởng khó hạp hoặc không thể hạp của phàm phu; Còn hạng thân tuy Sa môn, tâm phi Sa môn, bất Sa môn, vô Sa môn nghe tới tên BÁT NHÃ BA LA MẬT KINH là tránh né, là ếm nhem bằng nhiều cách hù dọa cho những ai là đệ tử mình!...

Tôi xin mạo muội, đưa ra hai ví dụ về ý nghĩa chữ PHI:

1. Sở ngôn: TỪ THÔNG, TỪ THÔNG GIẢ, NHƯ LAI THUYẾT tức “PHI” TỪ THÔNG, THỊ DANH TỪ THÔNG, có nghĩa là: Từ Thông, có tên là Từ Thông, Như Lai nói “CHẲNG” có Từ Thông gì, mà gọi Từ Thông vậy thôi!

2. Phục thứ, Chư thiện hữu! Nhược hữu nhân ngôn: NHƯ HUYỄN THIỀN SƯ, tức “PHI” NHƯ HUYỄN THIỀN SƯ, thị cố Như Lai thuyết danh NHƯ HUYỄN THIỀN SƯ, có nghĩa là: Này các bạn! Hoặc có người nói Như Huyền Thiền Sư là Như Huyền Thiền Sư, thật ra “KHÔNG” Như Huyền Thiền Sư gì hết, thế nên Như Lai gọi Như Huyền Thiền Sư vậy thôi!

PHI, BÁT, VÔ là giáo lý chỉ đạo, khẳng định một cách khẳng định rằng: “NGÃ TƯỚNG” “NHÂN TƯỚNG”

“CHÚNG SANH TƯỚNG” “THỌ GIẢ TƯỚNG” không hề có thật! Do vậy, cho nên ai đó không hợp, hoặc thấy khó ưa, thì đó cũng không phải là một tội lớn đối với nhân loại, tại vì thứ giáo lý “quá” khó chịu và khó làm!...

Trong quá trình nhắc nhở tu học của tôi đã được chuyển tải lên hệ thống mạng internet, rải rác tôi có dự hứa rằng, đến lúc nào đó tôi sẽ nhắc nhở cho Phật tử gần xa, cũng như cho Tăng Ni trẻ gần xa những điều tôi muốn nói, mà tôi chưa tiện nói; những điều tôi muốn viết, mà tôi chưa tiện viết.

Tôi vừa viết xong quyển Hồi ký NHỚ ÔN THẦY, nếu đến tay các bạn, mời các bạn đọc vui, hy vọng chúng ta có ít nhiều tương đắc tương đồng?! Và trong đây coi như tôi đã gửi theo các bạn gần xa ít nhiều những điều mà tôi đã hứa nói, hứa viết!

Đạo Phật, giáo lý đạo Phật, thực hành giáo lý đạo Phật không có gì bí hiểm, không có gì xa xôi to tát, hàng xuất gia cũng như Phật tử tại gia lòng dạ lòng hỷ thường xuyên liên tục nhớ: BẤT THỦ Ữ TƯỚNG, NHƯ NHƯ BẤT ĐỘNG. Đó là hoa trái của nền giáo lý PHI - BẤT – VÔ, của hệ BÁT NHÃ BA LA MẬT Kinh!

Ngày 01/01/2014

(01/12/Quý Tỵ)

MỤC LỤC

Lời nói đầu:	Trang 5
Phần I: NHỚ ÔN THẦY	9
Nhớ ơn Thầy	11
Phần II: THI THƠ TUYỂN	25
1. Đối tượng tham thiền 1: Câu đối I - Liễu Liễu	
Đường	27
2. Đối tượng tham thiền 2: Câu đối II - Liễu Liễu	
Đường	28
3. Đối tượng tham thiền 3: Học thấy	29
4. Đối tượng tham thiền 4: Gặp Phật và thấy cảnh ..	30
5. Đối tượng tham thiền 5: Học đạo	31
6. Đối tượng tham thiền 6: Diệt vọng	32
7. Đối tượng tham thiền 7: Thiền quán 1	33
8. Đối tượng tham thiền 8: Thiền quán 2	34
9. Đối tượng tham thiền 9: Quán thân	35
10. Đối tượng tham thiền 10: Quán tâm	36
11. Đối tượng tham thiền 11: Tâm	37
12. Đối tượng tham thiền 12: Quán thức uẩn	38
13. Đối tượng tham thiền 13: Quán ngã	39
14. Đối tượng tham thiền 14: Quán cảnh	40
15. Đối tượng tham thiền 15: Học về chữ pháp	41

16. Đối tượng tham thiền 16: Lại học về chữ pháp .. 42
17. Đối tượng tham thiền 17: Học về chữ quán 43
18. Đối tượng tham thiền 18: Ngũ âm vô ngã 44
19. Đối tượng tham thiền 19: Cách hàng phục tâm
của Bồ tát 45
20. Đối tượng tham thiền 20: Chỗ trụ tâm của Bồ
tát 46
21. Đối tượng tham thiền 21: Ý Phật 47
22. Đối tượng tham thiền 22: Thành Phật 48
23. Đối tượng tham thiền 23: Làm gì để thấy được
Như Lai 49
24. Đối tượng tham thiền 24: Thuyết pháp 50
25. Đối tượng tham thiền 25: Tiếng vọng
linh sàng 51
26. Đối tượng tham thiền 26: Sơn khê ngoạn
cảnh 52
27. Đối tượng tham thiền 27: Sương lạnh
Tây nguyên 53
28. Đối tượng tham thiền 28: Tự trào 54
29. Đối tượng tham thiền 29: Tiếng chuông chùa 55
30. Đối tượng tham thiền 30: Phật ngọc..... 56
31. Đối tượng tham thiền 31: Tây nguyên tịch
cảnh 57

32. Đối tượng tham thiền 32: Ly ngôn	58
33. Đối tượng tham thiền 33: Tôi và ta	59
34. Đối tượng tham thiền 34: Gỗ tốt trôi sông	60
35. Đối tượng tham thiền 35: Sắc tâm duyên hợp	61
36. Đối tượng tham thiền 36: Cư trần lạc đạo	62
37. Đối tượng tham thiền 37: Chân, vọng không hai.....	63
38. Đối tượng tham thiền 38: Lấy, bỏ	64
39. Đối tượng tham thiền 39: Luận về chứng đắc	65
40. Đối tượng tham thiền 40: Luận về: Ngẫu tượng lộ thiên	66
41. Đối tượng tham thiền 41: Tám chữ chi	67
42. Đối tượng tham thiền 42: Nhìn qua tuệ nhãn	68
43. Đối tượng tham thiền 43: Đâu nguồn chân lý	69
44. Đối tượng tham thiền 44: Thân phận bèo mây ..	70
45. Đối tượng tham thiền 45: Kiếp nhân sinh	71
46. Đối tượng tham thiền 46: Thu đến	72
47. Đối tượng tham thiền 47: Phi tướng	73
48. Đối tượng tham thiền 48: Thiền hành niệm khởi	74
49. Đối tượng tham thiền 49: Tên gọi	75
50. Đối tượng tham thiền 50: Cầu bất đắc	76
51. Đối tượng tham thiền 51: Chó và tôi	77

52. Đối tượng tham thiền 52: Một ước mơ
lý tưởng 78
53. Đối tượng tham thiền 53: Phản bốn
hoàn nguyên 79
54. Đối tượng tham thiền 54: Tứ giải thoát môn 80
55. Đối tượng tham thiền 55: Đời 81
56. Đối tượng tham thiền 56: Mộng? Thực? 82
57. Đối tượng tham thiền 57: Ích kỷ cần phải học ... 83
58. Đối tượng tham thiền 58: Hư không tạng Bồ tát
ông là ai? 84
59. Đối tượng tham thiền 59: Ngẫu hứng 85
60. Đối tượng tham thiền 60: Pháp tánh 86
61. Đối tượng tham thiền 61: Tự nói 87
62. Đối tượng tham thiền 62: Hãy nói không
với tất cả 88
63. Đối tượng tham thiền 63: Nói không với vạn
pháp..... 89
64. Đối tượng tham thiền 64: Phật là ta, ta là Phật .. 90
65. Đối tượng tham thiền 65: Liễu đạo ca 91
66. Đối tượng tham thiền 66: Hãy chọn một con
đường trong hai con đường 93
67. Đối tượng tham thiền 67: Sống vui 95
68. Đối tượng tham thiền 68: Bồ thí Ba la mật 96

69. Đối tượng tham thiền 69: Chỉ là tương đối	97
70. Đối tượng tham thiền 70: Chiếu kiến.. giai không	98
71. Đối tượng tham thiền 71: Luận về: Vui khổ hơn thua	99
72. Đối tượng tham thiền 72: Vô ngôn	100
73. Đối tượng tham thiền 73: Tự ngã	101
Phần III: NHƯ HUYỄN THIỀN SƯ NGŨ LỤC	103
1. Vào đạo Phật	105
2. Tìm dấu chân thầy	107
3. Từ thân xuất gia	112
4. Nhân duyên	115
5. Chánh nhân thành Phật	116
6. Duyên nhân thành Phật	117
7. Liễu nhân thành Phật	119
8. Nạn xứ cần sớm viễn ly	121
9. Cõi Ta bà là gì?	123
10. Tam giới vô an	126
11. Sắc giới là gì?	129
12. Vô sắc giới là gì?	132
13. Dục giới là gì?	135
14. Giã từ tam giới!	138
15. Trời trong tam giới	141
16. Địa ngục?	143

17. Diệt – đạo?.....	146
18. Khổ – tập?	148
19. Thừa, trách nhiệm về ai	151
20. Trăm sông chảy về biển cần phải học	154
Lời cuối sách	156

Hồi ký Nhớ Ông Thầy

GIÁO TRÌNH HƯỚNG DẪN TU HỌC TỪ XA

NHỮNG TÁC PHẨM

Do Hòa Thượng **THÍCH TỪ THÔNG** - Hiệu. **NHƯ HUYỀN THIỀN SƯ**

Biên soạn

ĐÃ XUẤT BẢN:

- 1) NHƯ HUYỀN THIỀN SƯ THI TẬP
Trực chỉ đề cương (Tái bản lần 1)
- 2) NGÓN TAY CHỈ TRẮNG 1
Trực chỉ đề cương (Tái bản lần 1)
- 3) NGÓN TAY CHỈ TRẮNG 2
Trực chỉ đề cương (Tái bản lần 1)
- 4) NGÓN TAY CHỈ TRẮNG 3
Trực chỉ đề cương (Tái bản lần 1)
- 5) NGÓN TAY CHỈ TRẮNG 4
Trực chỉ đề cương (Tái bản lần 1)
- 6) NGÓN TAY CHỈ TRẮNG 5
Trực chỉ đề cương (Tái bản lần 1)
- 7) NGÓN TAY CHỈ TRẮNG 6
Trực chỉ đề cương (Tái bản lần 1)
- 8) NGÓN TAY CHỈ TRẮNG 7
Trực chỉ đề cương (Tái bản lần 1)
- 9) NGÓN TAY CHỈ TRẮNG 8
Trực chỉ đề cương (Tái bản lần 1)
- 10) NGÓN TAY CHỈ TRẮNG 9
Trực chỉ đề cương
- 11) NHỮNG CHIẾC LÁ TRONG TAY (tập 1)
- 12) Hồi ký NHỚ ÔNG THẦY

SẼ XUẤT BẢN:

1) NHỮNG CHIẾC LÁ TRONG TAY (tập 2)

2) NGÓN TAY CHỈ TRẮNG 10

Trực chỉ đề cương

KINH LUẬN DO HT. THÍCH TỪ THÔNG

Biên dịch

ĐÃ XUẤT BẢN:

1) PHÁP HOA KINH

Thâm Nghĩa Đề Cương (Tái bản lần 5)

2) BÁT NHÃ BA LA MẬT KINH

Trực Chỉ Đề Cương (Tái bản lần 3)

3) KIM CANG BÁT NHÃ BA LA MẬT KINH

Trực Chỉ Đề Cương (Tái bản lần 1)

4) DUY MA CẬT SỞ THUYẾT KINH

Trực Chỉ Đề Cương (Tái bản lần 5)

5) THỦ LĂNG NGHIÊM KINH

Trực Chỉ Đề Cương (Tái bản lần 5)

6) NHƯ LAI VIÊN GIÁC KINH

Trực Chỉ Đề Cương (Tái bản lần 5)

7) CHỨNG ĐẠO CA

Trực Chỉ Đề Cương (Tái bản lần 6)

8) DUY THỨC HỌC YẾU LUẬN

Trực Chỉ Đề Cương (Tái bản lần 5)

9) ĐẠI BÁT NIẾT BÀN KINH

Trực Chỉ Đề Cương (Tái bản lần 2)